

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ : Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, Hà Nội

Email : [ptmgroup@mghaxaco.com.vn](mailto:ptmgroup@mghaxaco.com.vn)

Website: <https://otoptm.com.vn/>

**1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**



**BẢN SAO - COPY**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0101116000**

*Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 03 năm 2001*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 20, ngày 15 tháng 08 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG  
MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PTM AUTOMOBILE SERVICE, TRADING  
AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PTM., JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 256 đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 8554589/ 8554591

Số Fax: 8554590

Thư điện tử: *ptmgroup@mghaxaco.com.vn*

Website: *www.ptm.vn*

**3. Vốn điều lệ: 320.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 32.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: TRẦN VĂN MỸ

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 26/12/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 030075019164

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *P312 – F2 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 15-10-2025

Số chứng thực: 4055 Quyển số: 02 SCT/BS



CÔNG CHỨNG  
Nguyễn Văn Sơn



KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Anh Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ : Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, Hà Nội

Email : [ptmgroup@mghaxaco.com.vn](mailto:ptmgroup@mghaxaco.com.vn)

Website: <https://otoptm.com.vn/>

**2. Phụ lục II: Các Nghị quyết**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2025;
- Nghị quyết HĐQT số 20/2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 03/12/2025 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết HĐQT số 21/2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 03/12/2025 về việc thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa;
- Nghị quyết HĐQT số 22/2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 03/12/2025 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán.





**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT,  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ  
PTM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2025/NQ-ĐHCD

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/BBH-ĐHCD ngày 28/03/2025.

**QUYẾT NGHỊ**

Ngày 28/03/2025, tại 256 Kim Giang, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM được tổ chức với sự tham gia của 14 đại biểu, đại diện cho 29.365.890 phiếu biểu quyết, chiếm 91,7684% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT về giám sát và kết quả hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 29.365.890 phiếu biểu quyết, tính trên 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Điều 2: Thông qua Báo cáo của ban kiểm soát trong năm 2024 và Kế hoạch 2025**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 29.365.890 phiếu biểu quyết, tính trên 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 29.365.890 phiếu biểu quyết, tính trên 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Điều 4: Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã qua kiểm toán**



**Nơi nhận:**

- HĐQT.
- Ban Tổng Giám Đốc.
- Thư ký công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT,  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**



**VŨ THỊ HẠNH**



Số: 20 /2025/NQ-HĐQT-PTM

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHCD được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/03/2025;
- Căn cứ Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị ngày 25/02/2025;
- Căn cứ Tờ trình số 01.11/TTr-BTGD-PTM ngày 26/11/2025;
- Căn cứ Biên bản họp của Hội Đồng Quản trị số 20/2025/BBH-HĐQT-PTM ngày 03/12/2025.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCD ngày 28/03/2025, cụ thể như sau:

### I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU.

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	PTM
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu (dự kiến) phát hành thêm:	3.200.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu phát hành (dự kiến) theo mệnh giá:	32.000.000.000 đồng
Tỷ lệ phát hành (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):	10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 12 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Mỹ

Tỷ lệ thực hiện quyền:	10:01. Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 10 quyền sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới.
Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông.
Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phiếu (theo Nghị quyết của ĐHCĐ số 01/2025/NQ-ĐHCĐ ngày 28/03/2025)
Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa của công ty là 49% theo quy định của pháp luật và đã được UBCKNN chấp thuận theo công văn số 3587/UBCK-PTTT ngày 21/07/2025. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại ở cty: 0,003% (tại ngày 17/10/2025).</li> <li>Do phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu nên không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài.</li> <li>Trong trường hợp HĐQT phân phối cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu, sẽ đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ nêu trên.</li> </ul>
Phương thức phân phối:	Cổ đông được hưởng quyền mua cổ phần sẽ thực hiện theo phương thức thực hiện quyền. Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng theo nguyên tắc là người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác, người nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho người thứ ba.
Phương án xử lý phần lẻ cổ phần:	Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
Phương án xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua:	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết được tính bằng = Tổng số cổ phần chào bán – Tổng số cổ phần được cổ đông hiện hữu thực hiện mua (cổ đông đã nộp tiền) – Cổ phiếu lẻ bị hủy bỏ.</li> <li>HĐQT thực hiện chào bán tổng số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho đối tượng sau: cổ đông hiện hữu, người nội bộ của Công ty, cán bộ nhân viên và nhà đầu tư tổ chức cá nhân, tổ chức có tiềm lực tài chính.</li> <li>Giá chào bán cho các đối tượng khác trong trường hợp không phân phối hết là 10.000 đồng/cổ phiếu.</li> <li>Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc phân phối cổ phiếu nêu trên đảm bảo tuân thủ Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu của một nhà đầu tư:	01 (một) cổ phiếu
Điều kiện chuyển nhượng cổ phiếu:	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng</li> <li>Số cổ phiếu không phân phối hết do các cổ đông không thực hiện quyền mua khi Công ty phân phối cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</li> </ul>
Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán	HĐQT chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh. Trong trường hợp thiếu hụt số vốn cần thiết, Công ty sẽ có giải pháp vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cần thiết.
Thời gian dự kiến phát hành:	Sau khi Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, dự kiến trong năm 2026
Đăng ký, lưu ký và Niêm yết cổ phần phát hành thêm:	Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

## II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG.

### 1. Mục đích chào bán

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đã thông qua Tờ trình về phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng với mục đích bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: mua hàng tồn kho, hoặc và trả chi phí thuê/mua mặt bằng, hoặc và chi trả các chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Căn cứ Tờ trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Tờ trình số 01.11/TTr-BGĐ-PTM của Ban Tổng Giám đốc ngày 26/11/2025 về kế hoạch nhập xe phục vụ hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị quyết định sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn lưu động phục vụ việc mua hàng hóa là xe ô tô MG (hàng tồn kho), nhằm bảo đảm nguồn hàng ổn định, đáp ứng kế hoạch mở rộng và chuẩn hóa hệ thống đại lý kinh doanh xe ô tô MG trên toàn quốc.

### 2. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được Công ty sử dụng để mua xe MG của nhà phân phối trong nước nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Tiến độ giải ngân
1	Mua xe MG (*)	32.000.000.000	Bắt đầu ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán và kết thúc khi toàn bộ nguồn vốn được sử dụng hết theo kế hoạch kinh doanh (Dự kiến Quý I.2026)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>32.000.000.000</b>	

(\*) Chi tiết thông tin kế hoạch sử dụng vốn để Mua xe MG

STT	Dòng xe	Số lượng xe dự kiến	Đối tác	Chi phí dự kiến
1	Xe MG	70 xe - 80 xe	Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam	32.000.000.000 đồng

Trường hợp số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán không đủ để thực hiện toàn bộ kế hoạch mua xe MG như đã nêu ở trên, Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào số vốn huy động được để thực hiện việc mua xe trong phạm vi phù hợp với nguồn vốn thực tế. Phần vốn còn thiếu (nếu có) sẽ được Công ty xem xét bổ sung từ nguồn vốn vay ngân hàng nhằm bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty.

Vốn điều lệ mới sẽ được đăng ký trên cơ sở số cổ phần thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.

**Điều 2:** Nghị quyết này đã được các thành viên Hội đồng Quản trị nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3:** Nghị quyết này có hiệu lực thay thế Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 26/09/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM  
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
**VU THỊ HẠNH**



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT,  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22./2025/NQ-HĐQT-PTM

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHCD được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/03/2025;
- Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Quản trị số 20 /2025/BBH-HĐQT-PTM ngày 03 /12/2025.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCD ngày 28/03/2025 đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM như sau:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là: 49% (Công văn số 3587/UBCK-PTTT ngày 21/07/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là 0,003% (theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất – ngày 17/10/2025)
- Đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty. Trường hợp phát sinh cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết trong đợt chào bán này, Hội đồng quản trị sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp có phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài Hội đồng quản trị cam kết sẽ bảo đảm tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty không quá 49% theo quy định.

**Điều 2:** Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty và theo quy định của pháp luật.

**Điều 3:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các Phòng, Ban, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày 03 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
Ô TÔ PTM  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Văn Mỹ



Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM  
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT,  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22./2025/NQ-HĐQT-PTM

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/03/2025;
- Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng quản trị số 20./2025/BBH-HĐQT-PTM ngày 03/12/2025.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 02/ĐKCB ngày 03/12/2025;
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101116000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/03/2001 và Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 15/08/2025;
3. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ, Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 28/03/2025 và Tờ trình về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
4. Bản cáo bạch;
5. Điều lệ công ty được ban hành tháng 7 năm 2025;
6. Báo cáo tài chính công ty năm 2023, 2024 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý III năm 2025;
7. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán số 01/2025/VNSC-TVTC ngày 18/09/2025;
8. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán số 22./2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 03/12/2025;
9. Văn bản cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu số 0409/2025/GV-PTM ngày 26/09/2025;
10. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa ngày 23/09/2025;
11. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 về việc Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích số 0509/2025/CV-PTM ngày 26/09/2025;

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Mỹ

12. Nghị quyết số 20../2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 03/12/2025 của HĐQT thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
13. Nghị quyết số 21../2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 03/12/2025 của HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa;
14. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất (giai đoạn từ ngày 31/01/2024 đến ngày 30/06/2024, giai đoạn từ ngày 26/07/2024 đến ngày 16/08/2024 và giai đoạn từ ngày 23/09/2024 đến 11/11/2024).

**Điều 2:** Hội đồng quản trị giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc có trách nhiệm nộp Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) xem xét, phê duyệt đồng thời có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN.

**Điều 3:** Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các bộ phận và nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo Quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 4:** Nghị quyết này có hiệu lực thay thế Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 26/09/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

**Nơi nhận**

- Như Điều 2;
- Công bố Thông tin;
- Lưu HCNS, HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ**

**DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**VŨ THỊ HẠNH**





**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ : Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, Hà Nội

Email : [ptmgroup@mghaxaco.com.vn](mailto:ptmgroup@mghaxaco.com.vn)

Website: <https://otoptm.com.vn/>

**3. Phụ lục III: Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất,  
Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM**

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được Hội đồng quản trị cập nhật tại ngày 02/07/2025 theo nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/06/2025.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã được bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại điều 6 Điều lệ này;
  - b. **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông;
  - c. **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
  - d. **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
  - e. **Việt Nam** là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
  - f. **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy Chứng Nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - g. **Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trừ chức danh Người phụ trách quản trị Công ty;
  - h. **Người quản lý Doanh nghiệp** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại Hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
  - i. **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 điều 4 Luật Chứng khoán;
  - j. **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 1 cổ phần của Công ty;
  - k. **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất 1 cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của công ty cổ phần;
  - l. **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 điều 4 Luật Chứng khoán;
  - m. **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua;
  - n. **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc một số văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các vấn đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời gian hoạt động**

1. Tên Công ty
  - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**
  - Tên tiếng Anh: **PTM Automobile Service, Trading and Manufacturing Joint Stock Company**
  - Tên Công ty viết tắt: PTM., JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt nam
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
  - Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
  - Điện thoại: +84(24)38552550      Fax: +84(24)35590352
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc;
2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam, và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có giấy ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong thời



gian phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.
6. Trách nhiệm của người đại diện theo Pháp luật:  
Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 điều này.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

STT	Ngành nghề	Mã số
1	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)	4511 (Chính)
2	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4513
3	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
4	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4541
5	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
6	Cho thuê xe có động cơ	7710
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại	7490
8	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4543
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
10	Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất vật liệu mới, nhựa composit	2220

11	Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng; Sản xuất máy công cụ	2819
12	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa kỹ thuật	2013
13	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công kim loại	2592
14	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại. Chi tiết: Sản xuất máy công cụ, máy điều khiển CNC	2822
15	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa	3290
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng; kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC	4659
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa; kinh doanh các sản phẩm nhựa kỹ thuật	4669
18	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp ráp máy công cụ	3320
19	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
21	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	2392
22	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đầu giá)	4512
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

	(ô tô và xe có động cơ khác; các thiết bị, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác)	
24	Đào tạo sơ cấp	8531
25	Đào tạo trung cấp	8532
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ; - Hóa lỏng khí để vận chuyển	5225
27	Đào tạo cao đẳng	8533
28	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)	6810
29	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
30	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
31	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
32	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Sản xuất nhôm	2420
33	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
34	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm	6622

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Tối đa hóa các khoản lợi nhuận



- Tăng lợi tức cho các cổ đông của Công ty
- Tăng tích lũy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng)  
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 32.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật
5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101116000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/03/2001.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của bạn trong Công ty, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại Hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phần**

1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phần là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
3. Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu cổ phần được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:
  - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp ở khoản 2 Điều này và Pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty gồm:

1. Đại Hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.



## **VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 120, khoản 1 điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phiếu ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
  - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;



- b. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
  - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp để biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị đề cử.

#### **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- 4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho các nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi và phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

### **Điều 13. Đại Hội đồng cổ đông**

1. Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặt biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời người đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;



- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
4. Triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở, đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
  - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;



- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- k. Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán ra mỗi loại;
  - p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

- q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
- 4. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 15: Ủy quyền tham dự họp Đại Hội đồng cổ đông**

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 1 điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.  
 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 3. Phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự,
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;
 Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 16. Thay đổi các quyền**

- 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả



cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu  $\frac{1}{3}$  giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại Hội đồng cổ đông.**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.



3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu có liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát;
  - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
  - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kháng nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông;
6. Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.



3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ 2. Cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp; Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ quyết/phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu cử chủ tọa, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/ Đại biểu và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b. Trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/ Đại biểu phục vụ cuộc họp;

- d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội đồng Công ty thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau:
  - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp
  - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người



dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - Tổ chức lại, giải thể công ty;
3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.
5. Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết về một vấn đề thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 50 hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu hợp lệ biểu quyết chấp thuận.
7. Các Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty bất kể khi nào kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp 2020
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 21 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;



- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền
  5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
    - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
    - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
    - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
  6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã doanh nghiệp;
    - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
    - c. Số cổ động với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
    - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có)
    - e. Vấn đề đã được thông qua và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
    - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan đến gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa, thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài



liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ chuyên môn;
  - c. Quá trình công tác;
  - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
  - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan đến Công ty;Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ

công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để cử các ứng viên Hội đồng quản trị:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.  
Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty trong không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công ty.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.



5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. cụ thể:
  - a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
    - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp
    - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
    - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản a và khoản b Điều này.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc.
3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
  - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
  - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác

do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
  - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
  - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

#### **Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương,



hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập

và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 ngày trước ngày dự họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết nhưng phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
7. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản



- trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư ( $\frac{3}{4}$ ) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
  - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
14. Biểu quyết
- Trừ quy định tại điểm b khoản 14 Điều 29 Điều lệ, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;
  - Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan đến thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - Theo quy định tại điểm d khoản 14 Điều 29 Điều lệ, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu của thành viên. Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng quy định tại điểm a và b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;  
Kiểm soát viên có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
15. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
16. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50% số thành viên có mặt), trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
17. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ này  
Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
18. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
- Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
19. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

**Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**



1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 02 người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có tối đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại Hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
  - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
  - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
  - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

### **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

#### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm,

miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

**Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 03 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
4. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
  - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý bao gồm: các Giám đốc kinh doanh, các Giám đốc bộ các bộ phận nghiệp vụ, các trưởng phó phòng và các chức danh quản lý khác không do HĐQT/ĐHĐCĐ bổ nhiệm;



- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
  - g. Tuyển dụng lao động;
  - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

### **Điều 35. Thư ký Công ty**

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm 01 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

- 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
- 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

- 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
  - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.



5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau:
  - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá



trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

- c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người Điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện tụng, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả chi phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh xa những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, từ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền này
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu trữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 46. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của luật hiện hành.
3. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và từng nhân viên của Công ty phải ký hợp đồng lao động riêng biệt với Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Hội đồng quản trị, được đại diện bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Tất cả các vấn đề liên quan đến nhân viên của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc và ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Tổng giám đốc quyết định theo quy định của pháp luật.
5. Nhân viên của công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội khác theo quy định của pháp luật.
6. Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 47. Phân phối lợi nhuận**



1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng mức cổ tức giữa kì nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan đến một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu lý và bù trừ chứng khoán.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 48. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 49. Năm tài chính**

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) năm đó.

##### **Điều 50. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo 06 tháng và quý của Công ty phải được công bố trên Website của Công ty.

### **Điều 52. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 53. Kiểm toán**

1. Đại Hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.



3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 54. Dấu của Công ty**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 55. Giải thể công ty**

1. Nếu Công ty bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài, Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
  - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu là 03 cổ đông trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Người quản lý có liên quan và Công ty trong trường hợp này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Doanh nghiệp
2. Việc giải thể công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này được thông báo và phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 56. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 57. Thanh lý**

1. Tối thiểu 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số

nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước khi các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ thanh lý được thanh toán theo thứ tự:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc,, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;;
  - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a), đến (d) trên đây được chi cho các cổ đông. Các cổ đông ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
  - a. Cổ đông với Công ty;
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài hoặc tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

### **Điều 59. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều hành hoạt động Công ty.



## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 60. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM nhất trí thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHCD ngày 09/6/2025 tại trụ sở Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ đã được Hội đồng quản trị cập nhật theo Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐQT-PTM ngày 02/07/2025 để bảo đảm phù hợp với nội dung đã được thông qua tại Đại hội.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu  $\frac{1}{2}$  tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG  
MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN VĂN MỸ**







**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ : Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, Hà Nội

Email : [ptmgroup@mghaxaco.com.vn](mailto:ptmgroup@mghaxaco.com.vn)

Website: <https://otoptm.com.vn/>

- 4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét, Báo cáo tài chính Riêng Quý IV/2025 và Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý IV.2025**





## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**





MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	07 - 08
4. Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 29

---

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101116000 ngày 09 tháng 03 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ 16 ngày 21 tháng 09 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ : 42.000.000.000 đồng (bốn mươi hai tỷ đồng).

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **2.1. Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: +84 (24) 3 85 52 550
- Fax: +84 (24) 3 55 90 352
- Mã số thuế: 0101116000

#### **2.2. Chi nhánh văn phòng**

- Địa chỉ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-001 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Giáp Sau, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-002 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp.

#### **2.3. Địa điểm kinh doanh**

- Địa chỉ: 54 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Địa chỉ: Số 3 và 5 đường Nguyễn Văn Linh, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Tp. Hà Nội

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Địa chỉ: 92-94-96 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 08 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Địa chỉ: Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 02 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.



### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết – Kinh doanh bất động sản ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

### 4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

#### 4.1. Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch	30/06/2021	-
Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	30/06/2021	-
Ông Trần Đỗ Thịnh Trung	Thành viên	30/06/2023	-
Bà Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	30/06/2023	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	30/06/2021	30/06/2023
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	30/06/2021	30/06/2023
Ông Hoàng Đức Hùng	Thành viên	30/06/2021	-

#### 4.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Bán	Trưởng ban	30/06/2021	-
Bà Trần Thị Hạnh	Ủy viên	30/06/2021	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Ủy viên	30/06/2021	-

#### 4.3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	01/09/2023	-
Bà Bà Đỗ Ngọc Oanh	Tổng Giám đốc	13/08/2019	31/08/2023
Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	24/10/2020	-

### 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Văn Mỹ, chức vụ Tổng Giám đốc.

### 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 29.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2024

TM, Hội đồng Quản trị



**VŨ THỊ HẠNH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**Lê Văn Dũng**





Số: 2045/24/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### *Trách nhiệm của Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2024*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**



**Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN số: 2141-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN số 2839-2020-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>123.258.739.680</b>	<b>48.154.358.576</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>7.809.472.833</b>	<b>8.550.960.503</b>
111	1. Tiền		7.809.472.833	8.550.960.503
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>50.154.516.066</b>	<b>11.548.500.585</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	30.218.465.296	7.229.256.767
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	9.117.102.951	4.016.884.351
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	11.204.422.434	687.834.082
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(385.474.615)	(385.474.615)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>58.586.530.591</b>	<b>18.503.335.950</b>
141	1. Hàng tồn kho		59.992.190.498	19.908.995.857
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.708.220.190</b>	<b>9.551.561.538</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	594.094.211	636.377.084
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.034.249.857	8.915.184.454
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	79.876.122	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>66.653.682.183</b>	<b>133.894.927.213</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.834.000.000</b>	<b>2.434.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	1.834.000.000	2.434.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>60.103.771.511</b>	<b>124.819.997.187</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	60.072.951.511	124.773.097.187
222	- Nguyên giá		85.882.854.233	144.713.293.804
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.809.902.722)	(19.940.196.617)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	30.820.000	46.900.000
228	- Nguyên giá		88.160.000	88.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.340.000)	(41.260.000)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.715.910.672</b>	<b>6.640.930.026</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	4.715.910.672	6.640.930.026
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>189.912.421.863</b>	<b>182.049.285.789</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>129.600.911.980</b>	<b>131.173.823.575</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>58.350.258.709</b>	<b>54.010.640.323</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		665.258.222	1.644.838.191
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	2.186.577.634	1.780.818.941
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	3.234.237.937	584.049.553
314	4. Phải trả người lao động	V.12	2.026.698.288	1.432.771.735
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	145.703.550	179.355.276
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14a	1.909.917.478	1.501.205.696
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	48.181.865.600	46.887.600.931
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>71.250.653.271</b>	<b>77.163.183.252</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.16	50.250.653.271	56.163.183.252
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.14b	21.000.000.000	21.000.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>60.311.509.883</b>	<b>50.875.462.214</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.17	<b>60.311.509.883</b>	<b>50.875.462.214</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		42.000.000.000	42.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		42.000.000.000	42.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.168.587.403	8.732.539.734
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.732.539.734	6.321.037.341
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		9.436.047.669	2.411.502.393
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>189.912.421.863</b>	<b>182.049.285.789</b>

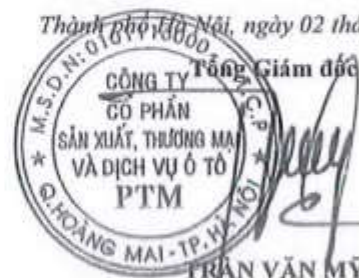
Người lập biểu

LÊ THỊ BẢO

Kế toán trưởng

BÙI THỊ THANH NHÂN

Thành phố Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2024



TRẦN VĂN MỸ



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	263.639.393.534	275.694.376.357
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		263.639.393.534	275.694.376.357
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	227.306.363.958	256.345.320.256
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.333.029.576	19.349.056.101
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		11.087.706	24.970.228
22	7. Chi phí tài chính	VI.3	917.204.512	798.236.579
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		917.204.512	798.236.579
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	19.131.326.184	16.148.443.928
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	7.737.557.081	5.791.071.920
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.558.029.505	(3.363.726.098)
31	11. Thu nhập khác	VI.6	3.381.376.439	6.389.695.157
32	12. Chi phí khác		116.900.005	9.372.734
40	13. Lợi nhuận khác		3.264.476.434	6.380.322.423
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.822.505.939	3.016.596.325
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	2.386.458.270	605.093.932
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.436.047.669	2.411.502.393
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	2.247	574
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	2.247	574

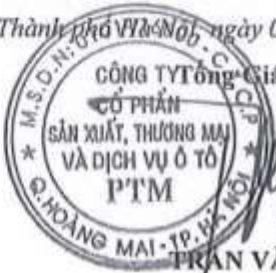
Người lập biểu

LÊ THỊ BẢO

Kế toán trưởng

BÙI THỊ THANH NHÂN

Thành phố Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2024



TRẦN VĂN MỸ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.822.505.939	3.016.596.325
	2. Điều chỉnh cho các khoản		13.420.696.674	5.752.876.494
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8; V.9	12.592.125.765	6.964.474.672
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.6	(88.633.603)	(2.009.834.757)
06	- Chi phí lãi vay	VI.3	917.204.512	798.236.579
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.243.202.613	8.769.472.819
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(32.243.438.318)	(4.234.674.949)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(40.083.194.641)	7.542.982.321
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(4.628.035.861)	28.441.579.573
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.967.302.227	2.210.316.152
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.3	(917.204.512)	(798.236.579)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(625.598.673)	(277.257.048)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(51.286.967.165)	41.654.182.289
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13.072.330.630)	(118.804.431.914)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.6	62.323.545.456	19.520.000.001
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		49.251.214.826	(99.284.431.913)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.15	115.637.846.880	54.468.160.737
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.15	(114.343.582.211)	(7.580.559.806)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.294.264.669	46.887.600.931
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(741.487.670)	(10.742.648.693)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	8.550.960.503	19.293.609.196
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	7.809.472.833	8.550.960.503

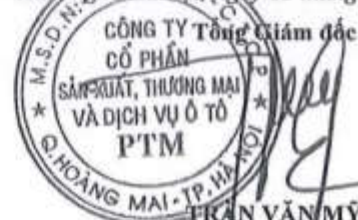
Người lập biểu

LÊ THỊ BẢO

Kế toán trưởng

BÙI THỊ THANH NHÂN

Thành phố Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2024





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty").

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết – Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

#### 4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm nay, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giảm 4,4%, trong khi đó chi phí giá vốn giảm 11,3% dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 87,8% so với năm trước. Lợi nhuận gộp tăng chủ yếu ở hoạt động kinh doanh xe do từ tháng 07 năm 2023 Công ty đã thay đổi nhà cung cấp xe chính từ Công ty TNHH TC Services Việt Nam sang Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam, đồng thời hoạt động cho thuê xe phát sinh thêm cho thuê chuyển. Mặt khác, cùng với sự kiểm soát tốt chi phí dẫn đến lợi nhuận kế toán năm nay biến động mạnh so với năm trước.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh MG Bắc Giang - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Tổ dân phố Giáp Sau, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 110 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 83 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: toàn bộ là chi phí của việc sửa chữa xe chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10

## **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

## **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **9. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.



### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### **Doanh thu bán xe ô tô**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.



- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

#### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế TNDN là khoản thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.



#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	215.699.683	2.160.416.693
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.593.773.150	6.390.543.810
<b>Cộng</b>	<b>7.809.472.833</b>	<b>8.550.960.503</b>

#### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>6.118.198.498</i>	-
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	6.118.198.498	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>24.100.266.798</i>	<i>7.229.256.767</i>
Công ty TNHH Khách sạn Grand Imperial Saigon	736.227.360	592.669.020
Khách hàng khác	23.364.039.438	6.636.587.747
<b>Cộng</b>	<b>30.218.465.296</b>	<b>7.229.256.767</b>

#### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>9.117.102.951</i>	<i>4.016.884.351</i>
Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam	4.199.612.030	-
Công ty CP Xây lắp điện công trình Thăng Long	3.231.299.863	-
Công ty CP Cường Phát Thăng Long	1.499.999.997	-
Đối tượng khác	186.191.061	4.016.884.351
<b>Cộng</b>	<b>9.117.102.951</b>	<b>4.016.884.351</b>

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<b>11.204.422.434</b>	<b>687.834.082</b>
Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam <sup>(*)</sup>	10.555.349.693	-
Tạm ứng của nhân viên	500.322.800	186.139.317
Phải thu khác	148.749.941	501.694.765
<b>Cộng</b>	<b>11.204.422.434</b>	<b>687.834.082</b>

<sup>(\*)</sup> Là khoản phải thu tiền theo chính sách bán hàng cho khách của nhà phân phối - Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam.

**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan</i>	<b>780.000.000</b>	<b>780.000.000</b>
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây <sup>(1)</sup>	780.000.000	780.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<b>1.054.000.000</b>	<b>1.654.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP <sup>(2)</sup>	1.040.000.000	1.040.000.000
Khách hàng khác	14.000.000	614.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.834.000.000</b>	<b>2.434.000.000</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản tiền đặt cọc cho Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh ký ngày 31/12/2020 về việc hợp tác dịch vụ trưng bày môi giới, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ giữ và bảo quản xe lưu kho.

<sup>(2)</sup> Là khoản tiền đặt cọc cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP theo hợp đồng số 03/HĐTD ngày 16 tháng 06 năm 2020 và hợp đồng số 01/HĐTD ngày 08 tháng 03 năm 2022 về việc cho thuê bãi đỗ xe, văn phòng và xưởng sửa chữa xe ô tô.

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi <sup>(*)</sup>	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi <sup>(*)</sup>
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<b>385.474.615</b>	-		<b>385.474.615</b>	-
Công ty CP XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	-	Trên 3 năm	68.800.000	-
Hợp doanh DMC – FER	Trên 3 năm	53.650.000	-	Trên 3 năm	53.650.000	-
Công ty CP SX và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	-	Trên 3 năm	41.987.000	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	221.037.615	-	Trên 3 năm	221.037.615	-
<b>Cộng</b>		<b>385.474.615</b>	-		<b>385.474.615</b>	-

<sup>(\*)</sup> Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(385.474.615)	(385.474.615)
Trích lập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(385.474.615)</b>	<b>(385.474.615)</b>



**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu <sup>(1)</sup>	2.066.570.206	(1.405.659.907)	3.766.274.959	(1.405.659.907)
Công cụ, dụng cụ	36.502.263	-	22.681.930	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	80.251.105	-	312.975.334	-
Hàng hóa <sup>(2)</sup>	57.808.866.924	-	15.807.063.634	-
<b>Cộng</b>	<b>59.992.190.498</b>	<b>(1.405.659.907)</b>	<b>19.908.995.857</b>	<b>(1.405.659.907)</b>

<sup>(1)</sup> Là phụ tùng, vật tư sửa chữa xe ô tô.

<sup>(2)</sup> Là xe ô tô dùng để bán. Trong đó hàng tồn kho đang thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tại ngày 31/12/2023 là 29.818.181.844 đồng (Xem tại thuyết minh V.15).

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	-	64.750.225
Phí bảo hiểm cháy nổ	66.416.668	31.683.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	527.677.543	539.943.525
<b>Cộng</b>	<b>594.094.211</b>	<b>636.377.084</b>

**Tình hình biến động:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	636.377.084	862.018.979
Tăng trong năm	5.743.573.972	6.178.961.532
Giảm do điều chỉnh từ ngắn hạn sang dài hạn	(27.960.000)	-
Phân bổ trong năm	(5.757.896.845)	(6.404.603.427)
Số cuối năm	594.094.211	636.377.084

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.508.237.622	5.767.664.235
Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	131.696.638	802.287.259
Chi phí thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại chi nhánh Bắc Giang	1.500.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	575.976.412	70.978.532
<b>Cộng</b>	<b>4.715.910.672</b>	<b>6.640.930.026</b>

**Tình hình biến động:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.640.930.026	8.625.604.283
Tăng trong năm	2.265.797.649	163.097.700
Tăng do điều chỉnh từ ngắn hạn sang dài hạn	27.960.000	-
Phân bổ trong năm	(4.218.777.003)	(2.147.771.957)
Số cuối năm	4.715.910.672	6.640.930.026

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>	<b>22.557.005.397</b>	<b>1.484.704.257</b>	<b>120.198.740.241</b>	<b>401.179.909</b>	<b>71.664.000</b>	<b>144.713.293.804</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tăng trong năm	-	-	10.005.011.942	105.800.000	-	10.110.811.942
- Mua trong năm	-	-	10.005.011.942	105.800.000	-	10.110.811.942
Giảm trong năm	(259.041.146)	(743.868.317)	(67.707.591.595)	(159.086.455)	(71.664.000)	(68.941.251.513)
- Thanh lý, nhượng bán	(259.041.146)	(743.868.317)	(67.707.591.595)	(159.086.455)	(71.664.000)	(68.941.251.513)
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.297.964.251</b>	<b>740.835.940</b>	<b>62.496.160.588</b>	<b>347.893.454</b>	<b>-</b>	<b>85.882.854.233</b>
<i>Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>4.769.739.475</i>	<i>256.772.727</i>	<i>14.454.674</i>	<i>108.668.000</i>	<i>-</i>	<i>5.149.634.876</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>14.521.571.749</b>	<b>527.727.351</b>	<b>4.663.534.756</b>	<b>203.238.961</b>	<b>24.123.800</b>	<b>19.940.196.617</b>
Tăng trong năm	1.822.025.197	210.430.470	10.458.278.272	73.975.186	11.336.640	12.576.045.765
- Khấu hao trong năm	1.822.025.197	210.430.470	10.458.278.272	73.975.186	11.336.640	12.576.045.765
Giảm trong năm	(66.897.602)	(235.779.571)	(6.289.620.952)	(78.581.095)	(35.460.440)	(6.706.339.660)
- Thanh lý, nhượng bán	(66.897.602)	(235.779.571)	(6.289.620.952)	(78.581.095)	(35.460.440)	(6.706.339.660)
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.276.699.344</b>	<b>502.378.250</b>	<b>8.832.192.076</b>	<b>198.633.052</b>	<b>-</b>	<b>25.809.902.722</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>8.035.433.648</b>	<b>956.976.906</b>	<b>115.535.205.485</b>	<b>197.940.948</b>	<b>47.540.200</b>	<b>124.773.097.187</b>
<b>Số cuối năm (*)</b>	<b>6.021.264.907</b>	<b>238.457.690</b>	<b>53.663.968.512</b>	<b>149.260.402</b>	<b>-</b>	<b>60.072.951.511</b>

(\*) Trong đó: Giá trị còn lại cuối năm dùng để cầm cố đảm bảo nợ vay là 36.681.525.413 đồng. (Xem tại thuyết minh V.15).

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>88.160.000</b>	<b>88.160.000</b>
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>88.160.000</b>	<b>88.160.000</b>
<i>Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>39.920.000</i>	<i>39.920.000</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>41.260.000</b>	<b>41.260.000</b>
Tăng trong năm	16.080.000	16.080.000
- Khấu hao trong năm	16.080.000	16.080.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>57.340.000</b>	<b>57.340.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>46.900.000</b>	<b>46.900.000</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>30.820.000</b>	<b>30.820.000</b>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Là tiền khách hàng trả trước để mua xe.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.



**11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT phải nộp	-	-	839.309.933	-	839.309.933	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	555.093.932	-	2.386.458.270	(625.598.673)	2.386.458.270	70.504.741
Thuế thu nhập cá nhân	28.955.621	-	339.491.025	(369.348.293)	8.469.734	9.371.381
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	187.086.791	(187.086.791)	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>584.049.553</b>	<b>-</b>	<b>3.755.346.019</b>	<b>(1.185.033.757)</b>	<b>3.234.237.937</b>	<b>79.876.122</b>

**11a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Doanh nghiệp phải nộp thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.822.505.939	3.016.596.325
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	109.785.411	8.873.333
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.932.291.350	3.025.469.658
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	11.932.291.350	3.025.469.658
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>2.386.458.270</b>	<b>605.093.932</b>

**11c. Các loại thuế khác**

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.

**12. Phải trả người lao động**

Là chi phí lương, thưởng còn phải trả người lao động.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chủ yếu là chi phí trang bị, bảo hiểm xe phải trả.

**14. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

Chủ yếu là các khoản tiền cọc thuê xe.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</i>	<b>1.909.917.478</b>	<b>1.501.205.696</b>
Công ty TNHH Khách sạn Grand Imperial Saigon	1.320.000.000	927.500.000
Đối tượng khác	589.917.478	573.705.696
<b>Cộng</b>	<b>1.909.917.478</b>	<b>1.501.205.696</b>

**14b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan</i>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh <sup>(*)</sup>	21.000.000.000	21.000.000.000
<i>Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>

<sup>(\*)</sup> Là tiền đặt cọc phải trả cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh – Chi nhánh Kim Giang theo Phụ lục hợp đồng thuê nhà xưởng và showroom số 16/PLHĐ/PTM-KG ký ngày 16/02/2022 để thực hiện cho thuê nhà xưởng, showroom trong năm (05) năm. Số tiền cọc sẽ hoàn trả khi kết thúc hợp đồng thuê mặt bằng.

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>48.181.865.600</b>	<b>48.181.865.600</b>	<b>46.887.600.931</b>	<b>46.887.600.931</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương <sup>(1)</sup>	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn <sup>(2)</sup>	14.000.000.000	14.000.000.000	46.887.600.931	46.887.600.931
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tân Bình <sup>(3)</sup>	4.181.865.600	4.181.865.600	-	-
<b>Cộng</b>	<b>48.181.865.600</b>	<b>48.181.865.600</b>	<b>46.887.600.931</b>	<b>46.887.600.931</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương được sử dụng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời gian cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.6).

<sup>(2)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn được sử dụng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng đối với phương án kinh doanh xe MG, 12 tháng đối với phương án mua bán, cho thuê xe Mercedes-Benz, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là các xe Mercedes-Benz dùng làm tài sản cố định. (Xem tại thuyết minh V.8).



<sup>(3)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tân Bình được sử dụng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.6).

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	46.887.600.931	115.637.846.880	(114.343.582.211)	48.181.865.600
<b>Cộng</b>	<b>46.887.600.931</b>	<b>115.637.846.880</b>	<b>(114.343.582.211)</b>	<b>48.181.865.600</b>

#### 16. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán dài hạn các bên liên quan	50.250.653.271	56.163.183.252
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh <sup>(*)</sup>	50.250.653.271	56.163.183.252
Phải trả người bán dài hạn khác	-	-
<b>Cộng <sup>(**)</sup></b>	<b>50.250.653.271</b>	<b>56.163.183.252</b>

<sup>(\*)</sup> Là khoản phải trả về tiền mua xe, với thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng tính từ ngày kết thúc năm tài chính.

<sup>(\*\*)</sup> Tại ngày 31/12/2023, Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vốn chủ sở hữu

##### 17a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2022	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	6.321.037.341	48.463.959.821
Tăng trong năm	-	-	-	2.411.502.393	2.411.502.393
- Lãi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	2.411.502.393	2.411.502.393
Số dư tại ngày 31/12/2022	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	8.732.539.734	50.875.462.214
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2023	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	8.732.539.734	50.875.462.214
Tăng trong năm	-	-	-	9.436.047.669	9.436.047.669
- Lãi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	9.436.047.669	9.436.047.669
Số dư tại ngày 31/12/2023	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	18.168.587.403	60.311.509.883

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	41.294.900.000	98,32	41.294.900.000	98,32
Các cổ đông khác	705.100.000	1,68	705.100.000	1,68
<b>Cộng</b>	<b>42.000.0000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>42.000.0000.000</b>	<b>100,00</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	42.000.000.000	42.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh xe	233.900.872.920	252.803.347.300
Doanh thu sửa chữa xe	8.614.401.729	9.529.173.659
Doanh thu cho thuê xe	16.798.624.179	8.981.872.421
Doanh thu hoạt động khác	4.325.494.706	4.379.982.977
<b>Cộng</b>	<b>263.639.393.534</b>	<b>275.694.376.357</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan trình bày tại thuyết minh số VII.2b.

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh xe	208.825.733.159	239.132.511.412
Giá vốn sửa chữa xe	10.640.232.886	11.271.154.801
Giá vốn cho thuê xe	6.078.659.670	4.105.080.722
Giá vốn hoạt động khác	1.761.738.243	1.836.573.321
<b>Cộng</b>	<b>227.306.363.958</b>	<b>256.345.320.256</b>

**3. Chi phí tài chính**

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.



**4. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	7.169.787.789	5.275.769.644
Chi phí vật liệu, bao bì	32.740.488	74.875.169
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	120.805.627	259.546.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.659.328.443	1.188.030.054
Chi phí bảo hành	15.939.677	8.645.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.525.955.924	6.771.152.377
Chi phí bằng tiền khác	1.606.768.236	2.570.424.333
<b>Cộng</b>	<b>19.131.326.184</b>	<b>16.148.443.928</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.611.571.935	3.848.780.311
Chi phí vật liệu quản lý	97.862.054	196.803.780
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.667.955	15.638.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.121.672.923	649.303.367
Thuế, phí và lệ phí	195.086.791	196.586.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.226.617	55.430.332
Chi phí bằng tiền khác	2.636.468.806	828.528.660
<b>Cộng</b>	<b>7.737.557.081</b>	<b>5.791.071.920</b>

**6. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi từ thanh lý xe	88.633.603	2.009.834.757
- Thu nhập từ thanh lý xe	62.323.545.456	19.520.000.001
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý xe	(62.234.911.853)	(17.510.165.244)
Thu nhập từ chính sách hỗ trợ của nhà phân phối	2.123.800.042	-
Thu nhập khác	1.168.942.794	4.379.860.400
<b>Cộng</b>	<b>3.381.376.439</b>	<b>6.389.695.157</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.436.047.669	2.411.502.393
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.436.047.669	2.411.502.393
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>2.247</b>	<b>574</b>

**8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.436.047.669	2.411.502.393
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.436.047.669	2.411.502.393
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong năm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>2.247</b>	<b>574</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân công	13.615.400.817	11.904.664.918
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.514.420.270	5.435.411.329
Chi phí đồ dùng	1.172.424.393	1.780.205.610
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.592.125.765	6.964.474.672
Thuế, phí và lệ phí	195.086.791	196.586.791
Chi phí bảo hành	15.939.677	8.645.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.547.177.038	7.958.288.418
Chi phí bằng tiền khác	5.629.508.374	4.481.061.861
<b>Cộng</b>	<b>42.282.083.125</b>	<b>38.729.339.496</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)**

*Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt trong năm*

Trong năm nay và năm trước, Công ty không phát sinh chi trả thu nhập cho các quản lý chủ chốt.

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Công ty mẹ



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giao dịch và số dư với bên liên quan

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			Doanh thu/(Chi phí)
		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Góp vốn đầu tư	41.294.900.000	-	-	41.294.900.000
	Nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng	(21.000.000.000)	-	-	(21.000.000.000)
	Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	-	5.186.690.209	(5.186.690.209)	-
	Chi phí mua xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	(56.163.183.252)	(752.658.148)	6.665.188.129	(50.250.653.271)
	Doanh thu cước vận chuyển xe	-	6.123.600	(6.123.600)	-
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cấn Thơ					5.670.000
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Đặt cọc	780.000.000	-	-	780.000.000
	Doanh thu bán xe, bán phụ tùng, sửa chữa xe và khác	-	17.412.802.591	(11.294.604.093)	6.118.198.498
	Chi phí dịch vụ giữ xe lưu kho, sửa chữa xe, hoa hồng bán xe và khác	-	(1.443.294.734)	1.443.294.734	-
	Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	4.693.142.300	(4.693.142.300)	-
					4.266.493.000

Đơn vị tính: VND

**3. Báo cáo bộ phận***Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Năm nay	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Kinh doanh xe	233.900.872.920	208.825.733.159	25.075.139.761
Dịch vụ sửa chữa xe	8.614.401.729	10.640.232.886	(2.025.831.157)
Cho thuê xe	16.798.624.179	6.078.659.670	10.719.964.509
Hoạt động khác	4.325.494.706	1.761.738.243	2.563.756.463
<b>Cộng</b>	<b>263.639.393.534</b>	<b>227.306.363.958</b>	<b>36.333.029.576</b>
<b>Năm trước</b>			
Kinh doanh xe	252.803.347.300	239.132.511.412	13.670.835.888
Dịch vụ sửa chữa xe	9.529.173.659	11.271.154.801	(1.741.981.142)
Cho thuê xe	8.981.872.421	4.105.080.722	4.876.791.699
Hoạt động khác	4.379.982.977	1.836.573.321	2.543.409.656
<b>Cộng</b>	<b>275.694.376.357</b>	<b>256.345.320.256</b>	<b>19.349.056.101</b>

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

**4. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã dùng một số tài sản là hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay. Giá trị hàng tồn kho và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2023 dùng để thế chấp lần lượt là 29.818.181.844 đồng và 36.681.525.413 (Xem tại thuyết minh V.6, V.8).

*Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.



**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thành phố Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2024

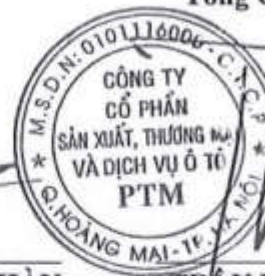
**Người lập biểu**

**LÊ THỊ BẢO**

**Kế toán trưởng**

**BÙI THỊ THANH NHÂN**

**Tổng Giám đốc**



**TRẦN VĂN MỸ**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel: +84 (28) 3859 4168

Fax: +84 (28) 3859 2285

Email: [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



**BẢN SAO-COPY**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**





## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	08 - 09
4. Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 33







## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101116000 ngày 09 tháng 03 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ 19 ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng).

### **2. Trữ sở hoạt động**

#### **2.1. Trữ sở chính**

- Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: +84 (24) 3 85 52 550
- Fax: +84 (24) 3 55 90 352
- Mã số thuế: 0101116000

#### **2.2. Chi nhánh văn phòng**

- Địa chỉ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-001 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Giáp Sau, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.  
Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-002 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2023, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 05 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp.

- Địa chỉ: Số 08 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-004 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

- Địa chỉ: Số 03 Phạm Hùng, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-005 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

- Địa chỉ: Số 32, Tổ 1, Khu phố 3, Phường An Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-006 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Địa chỉ: 2070-2070A Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00007 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

**BẢO CHO CỬA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

Trên đây là báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Địa điểm kinh doanh**

**Địa chỉ : 54 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, Tp. HCM.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đã chấm dứt hoạt động ngày 25 tháng 12 năm 2024.

**Địa chỉ : Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 02 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Địa chỉ : 92-94-96 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. HCM.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 08 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đã chấm dứt hoạt động tại ngày 24 tháng 12 năm 2024.

**Địa chỉ: Số 32, tổ 1, Khu phố 3, Phường An Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Địa chỉ : Tòa nhà thương mại Cao Nguyên 2, đường Lý Thái Tổ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

**Địa chỉ : Số 3-5 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội .**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00004 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Địa chỉ : 801 Quốc lộ 13, Khu phố 1, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00004 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết – Kinh doanh bất động sản ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc**

**4.1. Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch	30/06/2021	-
Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	30/06/2021	-
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	29/06/2024	-
Bà Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	30/06/2023	-
Ông Hoàng Đức Hùng	Thành viên	30/06/2021	-

**4.2. Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Bán	Trưởng ban	30/06/2021	-
Bà Trần Thị Hạnh	Ủy viên	30/06/2021	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Ủy viên	30/06/2021	-

**4.3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	01/09/2023	-
Bà Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	05/08/2024	-
Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	24/10/2020	05/08/2024

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Mỹ, chức vụ Tổng Giám đốc.

**6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 33.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.





**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2025.

TM. Hội đồng Quản trị



**VŨ THỊ HẠNH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Chứng thực bản sao đúng với bản chính**

Số chứng thực 1042 quyền số S.C.T.V.B.S

Ngày 26 tháng 01 năm 2026



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**Vũ Thị Thùy Trang**





Số: 2030/25/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2025, từ trang 08 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### *Trách nhiệm của Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES

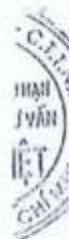


**Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN số: 2141-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN số 2839-2025-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		434.679.566.513	123.258.739.680
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	157.425.399.323	7.809.472.833
111	1. Tiền		47.425.399.323	7.809.472.833
112	2. Các khoản tương đương tiền		110.000.000.000	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		134.030.118.149	50.154.516.066
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	12.330.527.492	30.218.465.296
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	74.838.664.364	9.117.102.951
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	47.194.578.773	11.204.422.434
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(333.652.480)	(385.474.615)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	128.140.234.135	58.586.530.591
141	1. Hàng tồn kho		129.545.894.042	59.992.190.498
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		15.083.814.906	6.708.220.190
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	7.377.506.108	594.094.211
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.706.308.798	6.034.249.857
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	-	79.876.122
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		141.170.692.669	66.653.682.183
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		2.302.000.000	1.834.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	2.302.000.000	1.834.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		122.195.754.947	60.103.771.511
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	122.181.014.947	60.072.951.511
222	- Nguyên giá		158.295.360.961	85.882.854.233
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.114.346.014)	(25.809.902.722)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	14.740.000	30.820.000
228	- Nguyên giá		88.160.000	88.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(73.420.000)	(57.340.000)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		609.329.476	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		609.329.476	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		16.063.608.246	4.715.910.672
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	16.063.608.246	4.715.910.672
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		575.850.259.182	189.912.421.863



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>109.390.908.343</b>	<b>129.600.911.980</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>109.390.908.343</b>	<b>58.350.258.709</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	21.656.298.959	665.258.222
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	17.398.116.809	2.186.577.634
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	33.196.578.117	3.234.237.937
314	4. Phải trả người lao động		8.222.966.072	2.026.698.288
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	558.901.224	145.703.550
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	2.357.749.402	1.909.917.478
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	26.000.297.760	48.181.865.600
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>71.250.653.271</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	50.250.653.271
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	21.000.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>466.459.350.839</b>	<b>60.311.509.883</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.16	<b>466.459.350.839</b>	<b>60.311.509.883</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		320.000.000.000	42.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	42.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		146.316.428.359	18.168.587.403
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		18.168.587.403	8.732.539.734
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		128.147.840.956	9.436.047.669
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>575.850.259.182</b>	<b>189.912.421.863</b>

Thành phố Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ DUYỀN

LÊ THỊ HUYỀN

TRẦN VĂN MỸ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Kết quả hoạt động kinh doanh  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.414.571.804.514	263.639.393.534
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.414.571.804.514	263.639.393.534
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.160.105.606.747	227.306.363.958
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		254.466.197.767	36.333.029.576
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		232.183.926	11.087.706
22	7. Chi phí tài chính	VI.3	4.946.880.616	917.204.512
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.946.880.616	917.204.512
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	80.561.526.115	19.131.326.184
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	36.681.062.427	7.737.557.081
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		132.508.912.535	8.558.029.505
31	11. Thu nhập khác	VI.6	27.932.908.427	3.381.376.439
32	12. Chi phí khác	VI.7	62.854.953	116.900.005
40	13. Lợi nhuận khác		27.870.053.474	3.264.476.434
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		160.378.966.009	11.822.505.939
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12b	32.231.125.053	2.386.458.270
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		128.147.840.956	9.436.047.669
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	9.274	2.247
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	9.274	2.247

Thành phố Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng





PHẠM THỊ DUYÊN

LÊ THỊ HUYỀN



TRẦN VĂN MỸ



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		160.378.966.009	11.822.505.939
	2. Điều chỉnh cho các khoản		16.493.571.140	13.420.696.674
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8, V.9	12.836.853.385	12.592.125.765
03	- Các khoản dự phòng		(51.822.135)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.238.340.726)	(88.633.603)
06	- Chi phí lãi vay	V.13	4.946.880.616	917.204.512
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		176.872.537.149	25.243.202.613
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(85.883.962.767)	(32.243.438.318)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(69.553.703.544)	(40.083.194.641)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(27.873.102.580)	(4.628.035.861)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(18.131.109.471)	1.967.302.227
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.946.880.616)	(917.204.512)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(2.386.458.270)	(625.598.673)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(31.902.680.099)	(51.286.967.165)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(100.880.718.588)	(13.072.330.630)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		26.348.709.091	62.323.545.456
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		232.183.926	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(74.299.825.571)	49.251.214.826
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		278.000.000.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14	803.881.224.552	115.637.846.880
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14	(826.062.792.392)	(114.343.582.211)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		255.818.432.160	1.294.264.669
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		149.615.926.490	(741.487.670)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.809.472.833	8.550.960.503
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	157.425.399.323	7.809.472.833

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYỀN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN

Thành phố Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY  
CỔ PHẦN SẢN XUẤT,  
THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ  
PTM  
QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Văn Mỹ

TRẦN VĂN MỸ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết – Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

#### 4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã mở rộng quy mô hoạt động, thành lập thêm các chi nhánh và địa điểm kinh doanh mới trên các tỉnh thành như Nam Định, Đồng Nai, Đà Nẵng, An Giang. Vì vậy, doanh thu tăng, chi phí nhân viên và chi phí hoạt động khác cũng tăng theo tạo nên sự biến động mạnh so với năm trước.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh MG Bắc Giang - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Tổ dân phố Giáp Sau, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
3	Chi nhánh MG Nam Định - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 08 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
4	Chi nhánh MG Đà Nẵng- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 03 Phạm Hùng, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
5	Chi nhánh MG Đồng Nai- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 32, tổ 1, khu phố 3, phường An Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
6	Chi nhánh MG An Giang- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	2070-2070A Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.



**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 585 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 110 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

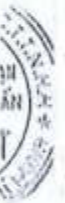
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:





- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: toàn bộ là chi phí của việc sửa chữa xe chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

### **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **9. Vốn chủ sở hữu**

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

### **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

CHỖ ĐÓNG  
CHỮ KÝ  
QUẢN LÝ



#### **Doanh thu bán xe ô tô**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế thu nhập DN hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**17. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	6.863.847.488	215.699.683
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.561.551.835	7.593.773.150
- Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	110.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>157.425.399.323</b>	<b>7.809.472.833</b>

<sup>(1)</sup> Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	40.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Ngô Quyền - PGD Chương Dương	70.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>-</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	6.118.198.498
- Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	-	6.118.198.498
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.330.527.492	24.100.266.798
- Công ty TNHH Khách sạn Grand Imperial Saigon	758.976.480	736.227.360
- Khách hàng khác	11.571.551.012	23.364.039.438
<b>Cộng</b>	<b>12.330.527.492</b>	<b>30.218.465.296</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	74.838.664.364	9.117.102.951
- Ông Trần Khắc Phục <sup>(1)</sup>	30.410.766.400	-
- Công ty CP Xây lắp Điện công trình Thăng Long <sup>(2)</sup>	26.456.345.601	-
- Công ty TNHH Xây dựng nội thất Anh Khôi City	5.204.025.873	-
- Đối tượng khác	12.767.526.490	9.117.102.951
<b>Cộng</b>	<b>74.838.664.364</b>	<b>9.117.102.951</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản tiền trả trước cho ông Trần Khắc Phục theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc nhận chuyển nhượng thửa đất tại phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

<sup>(2)</sup> Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây lắp điện công trình Thăng Long theo các hợp đồng thi công tháo dỡ, xây dựng showroom ô tô MG tại các chi nhánh.



4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	47.194.578.773	11.204.422.434
- Công ty TNHH SAIC MOTOR Việt Nam (*)	42.851.713.190	10.555.349.693
- Tạm ứng của nhân viên	1.085.399.905	500.322.800
- Phải thu khác	3.257.465.678	148.749.941
Cộng	47.194.578.773	11.204.422.434

(\*) Là khoản phải thu tiền theo chính sách bán hàng cho khách của nhà phân phối - Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam.

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác các bên liên quan	-	780.000.000
- Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	-	780.000.000
Phải thu dài hạn khác	2.302.000.000	1.054.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP (*)	1.040.000.000	1.040.000.000
- Khách hàng khác	1.262.000.000	14.000.000
Cộng	2.302.000.000	1.834.000.000

(\*) Là khoản tiền đặt cọc cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP theo hợp đồng số 03/HĐTD ngày 16 tháng 06 năm 2020 và hợp đồng số 01/HĐTD ngày 08 tháng 03 năm 2022 về việc thuê bãi đỗ xe, văn phòng và xưởng sửa chữa xe ô tô.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi(*)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi(*)
Các bên liên quan		-	-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		333.652.480	-		385.474.615	-
- Công ty XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	-	Trên 3 năm	68.800.000	-
- Hợp doanh DMC – FER	Trên 3 năm	53.650.000	-	Trên 3 năm	53.650.000	-
- Công ty CP SX và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	-	Trên 3 năm	41.987.000	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	169.215.480	-	Trên 3 năm	221.037.615	-
Cộng		333.652.480	-		385.474.615	-

(\*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(385.474.615)	(385.474.615)
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	51.822.135	-
Số cuối năm	(333.652.480)	(385.474.615)

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu <sup>(1)</sup>	3.688.991.886	(1.405.659.907)	2.066.570.206	(1.405.659.907)
- Công cụ, dụng cụ	343.994.681	-	36.502.263	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	520.067.148	-	80.251.105	-
- Hàng hóa <sup>(2)</sup>	124.992.840.327	-	57.808.866.924	-
<b>Cộng</b>	<b>129.545.894.042</b>	<b>(1.405.659.907)</b>	<b>59.992.190.498</b>	<b>(1.405.659.907)</b>

<sup>(1)</sup> Là phụ tùng, vật tư sửa chữa xe ô tô.

<sup>(2)</sup> Là xe ô tô dùng để bán.

Tại ngày 31/12/2024, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay là 31.034.995.273 đồng (xem thuyết minh tại mục V.14).

**7. Chi phí trả trước**

**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	2.004.920.456	-
- Phí bảo hiểm cháy nổ	135.434.040	66.416.668
- Sửa chữa văn phòng	249.002.268	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.988.149.344	527.677.543
<b>Cộng</b>	<b>7.377.506.108</b>	<b>594.094.211</b>

**Tình hình biến động:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	594.094.211	636.377.084
Tăng trong năm	15.553.897.529	5.743.573.972
Tăng do điều chỉnh từ dài hạn sang ngắn hạn	1.750.177.659	(27.960.000)
Phân bổ trong năm	(10.520.663.291)	(5.757.896.845)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.377.506.108</b>	<b>594.094.211</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa văn phòng	6.966.522.938	2.508.237.622
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	4.399.131.224	131.696.638
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.697.954.084	2.075.976.412
<b>Cộng</b>	<b>16.063.608.246</b>	<b>4.715.910.672</b>

**Tình hình biến động:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.715.910.672	6.640.930.026
Tăng trong năm	14.985.163.102	2.265.797.649
Tăng/giảm do điều chỉnh dài hạn, ngắn hạn	(1.750.177.659)	27.960.000
Phân bổ trong năm	(1.887.287.869)	(4.218.777.003)
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.063.608.246</b>	<b>4.715.910.672</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.297.964.251	740.835.940	62.496.160.588	347.893.454	-	85.882.854.233
Tăng trong năm	47.249.703.418	863.820.000	51.596.704.885	561.925.000	580.330.887	100.852.484.190
- Mua trong năm	13.237.466.738	863.820.000	51.596.704.885	452.627.500	580.330.887	66.730.950.010
- Tăng từ XDCB	34.012.236.680	-	-	-	-	34.012.236.680
- Tăng phân loại lại tài sản	-	-	-	109.297.500	-	109.297.500
Giảm trong năm	307.007.000	557.097.500	27.575.872.962	-	-	28.439.977.462
- Thanh lý, nhượng bán	-	447.800.000	27.393.018.288	-	-	27.840.818.288
- Giảm phân loại lại tài sản	307.007.000	109.297.500	182.854.674	-	-	599.159.174
Số cuối năm	69.240.660.669	1.047.558.440	86.516.992.511	909.818.454	580.330.887	158.295.360.961
Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.844.085.143	256.772.727	-	144.113.454	-	5.244.971.324
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	16.276.699.344	502.378.250	8.832.192.076	198.633.052	-	25.809.902.722
Tăng trong năm	4.774.278.934	158.057.915	7.709.147.590	143.971.827	36.266.479	12.821.722.745
- Khấu hao trong năm	4.773.329.574	158.057.915	7.709.147.590	143.971.827	36.266.479	12.820.773.385
- Phân loại lại	949.360	-	-	-	-	949.360
Giảm trong năm	-	-	2.517.279.453	-	-	2.517.279.453
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.498.265.997	-	-	2.498.265.997
- Phân loại lại	-	-	19.013.456	-	-	19.013.456
Số cuối năm	21.050.978.278	660.436.165	14.024.060.213	342.604.879	36.266.479	36.114.346.014
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.021.264.907	238.457.690	53.663.968.512	149.260.402	-	60.072.951.511
Số cuối năm <sup>(*)</sup>	48.189.682.391	387.122.275	72.492.932.298	567.213.575	544.064.408	122.181.014.947

(\*) Trong đó: Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024 dùng để cầm cố đảm bảo nợ vay là 28.678.537.318 đồng.  
 (Xem tại thuyết minh V.14).

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	88.160.000	88.160.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	88.160.000	88.160.000
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.920.000	39.920.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	57.340.000	57.340.000
Tăng trong năm	16.080.000	16.080.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	73.420.000	73.420.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	30.820.000	30.820.000
Số cuối năm	14.740.000	14.740.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**10. Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	21.656.298.959	665.258.222
- Công ty TNHH SAIC MOTOR Việt Nam	15.211.720.004	-
- Khách hàng khác	6.444.578.955	665.258.222
<b>Cộng</b>	<b>21.656.298.959</b>	<b>665.258.222</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là tiền khách hàng trả tiền trước để mua xe. Chi tiết như sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	17.398.116.809	2.186.577.634
- Người mua trả tiền trước mua xe ô tô và sửa chữa	17.398.116.809	2.186.577.634
<b>Cộng</b>	<b>17.398.116.809</b>	<b>2.186.577.634</b>

**12. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT phải nộp	839.309.933	-	2.668.731.362	(2.866.703.048)	641.338.247	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.386.458.270	70.504.741	32.231.125.053	(2.386.458.270)	32.160.620.312	-
- Thuế thu nhập cá nhân	8.469.734	9.371.381	1.622.660.549	(1.227.139.344)	394.619.558	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	239.143.461	(239.143.461)	-	-
- Các loại thuế, phí và lệ phí khác	-	-	1.277.214.227	(1.277.214.227)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.234.237.937</b>	<b>79.876.122</b>	<b>38.038.874.652</b>	<b>(7.996.658.350)</b>	<b>33.196.578.117</b>	<b>-</b>

**12a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**12b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	160.378.966.009	11.822.505.939
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		-
- Các khoản điều chỉnh tăng	424.135.551	109.785.411
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	160.803.101.560	11.932.291.350
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	161.099.156.117	11.932.291.350
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	32.160.620.312	2.386.458.270
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	70.504.741	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>	<b>32.231.125.053</b>	<b>2.386.458.270</b>

**12c. Các loại thuế khác**

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trang bị xe	83.636.928	57.489.984
- Chi phí bảo hiểm xe	2.464.545	48.735.454
- Chi phí khác	472.799.751	39.478.112
<b>Cộng</b>	<b>558.901.224</b>	<b>145.703.550</b>

**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	26.000.297.760	26.000.297.760	48.181.865.600	48.181.865.600
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn <sup>(1)</sup>	16.954.000.000	16.954.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương <sup>(2)</sup>	9.046.297.760	9.046.297.760	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tân Bình <sup>(3)</sup>	-	-	4.181.865.600	4.181.865.600
<b>Cộng</b>	<b>26.000.297.760</b>	<b>26.000.297.760</b>	<b>48.181.865.600</b>	<b>48.181.865.600</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 240378027/2024-HĐCVHM/NHCT932 – PTM ngày 27/05/2024. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các mẫu xe MG. Thời gian duy trì hạn mức vay: từ ngày 27/05/2024 đến ngày 27/05/2025, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay và tài sản xe demo. (Xem tại thuyết minh V.6, V.8).



<sup>(2)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương được sử dụng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời gian cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay và tài sản xe demo. (Xem tại thuyết minh V.6, V.8).

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	48.181.865.600	803.881.224.552	(826.062.792.392)	26.000.297.760
<b>Cộng</b>	<b>48.181.865.600</b>	<b>803.881.224.552</b>	<b>(826.062.792.392)</b>	<b>26.000.297.760</b>

#### 15. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

##### 15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.353.207.216	1.909.917.478
- Công ty TNHH Khách sạn Grand Imperial Saigon <sup>(1)</sup>	1.320.000.000	1.320.000.000
- Công ty TNHH Sài Gòn Boulevard Complex <sup>(2)</sup>	420.000.000	420.000.000
- Khách hàng khác	617.749.402	169.917.478
<b>Cộng</b>	<b>2.357.749.402</b>	<b>1.909.917.478</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản nhận đặt cọc phải trả cho Công ty TNHH Khách sạn Grand Imperial Saigon theo Hợp đồng thuê xe số 0401/2023/HĐTX ký ngày 01/02/2023 để thực hiện thuê xe và Phụ lục gia hạn hợp đồng thuê xe số PL01- 0401/2023/HĐTX ký ngày 01/01/2024 gia hạn thời gian thuê đến hết ngày 31/12/2024. Số tiền cọc sẽ hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

<sup>(2)</sup> Là khoản nhận đặt cọc phải trả cho Công ty TNHH Sài Gòn Boulevard Complex theo Hợp đồng thuê xe số 0903/2023/HĐTX ký ngày 06/04/2022 và Phụ lục hợp đồng thuê xe số PL 03- 0903/HĐTX ký ngày 16/04/2024 để thực gia hạn thời gian thuê xe đến hết ngày 30/04/2025. Số tiền cọc sẽ hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

#### 16. Vốn chủ sở hữu

##### 16a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết phụ lục số 01.

##### 16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	165.179.600.000	51,62	41.294.900.000	98,32
- Ông Vũ Hoàng Quân	38.214.100.000	11,94	-	-
- Ông Vũ Việt Anh	22.000.000.000	6,88	-	-
- Bà Nguyễn Thị Liên	20.000.000.000	6,25	-	-
- Các cổ đông khác	74.606.300.000	23,31	705.100.000	1,68
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100,00</b>



Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	320.000.000.000	320.000.000.000	-
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	-

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu kinh doanh xe	1.382.787.307.007	233.900.872.920
- Doanh thu sửa chữa xe	12.251.769.540	8.614.401.729
- Doanh thu hoạt động cho thuê xe	16.420.389.897	16.798.624.179
- Doanh thu hoạt động cho thuê địa điểm	1.909.090.908	3.818.181.816
- Doanh thu hoạt động khác	1.203.247.162	507.312.890
Cộng (*)	1.414.571.804.514	263.639.393.534

(\*) Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan số tiền là 4.792.048.662 đồng (xem tại thuyết minh VII.2b).

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn kinh doanh xe	1.137.469.039.316	208.825.733.159
- Giá vốn sửa chữa xe	13.317.440.153	10.640.232.886
- Giá vốn hoạt động cho thuê xe	7.621.465.284	6.078.659.670
- Giá vốn cho thuê địa điểm	1.674.993.042	1.761.738.243
- Giá vốn hoạt động khác	22.668.952	-
Cộng	1.160.105.606.747	227.306.363.958

### 3. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay.

### 4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	35.294.420.151	7.169.787.789
- Chi phí vật liệu, bao bì	177.103.591	32.740.488
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	308.829.178	120.805.627
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.318.943.520	4.659.328.443
- Chi phí bảo hành	354.836.646	15.939.677
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.317.989.007	5.525.955.924
- Chi phí bằng tiền khác	31.789.404.022	1.606.768.236
Cộng	80.561.526.115	19.131.326.184

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	15.384.245.940	3.611.571.935
- Chi phí vật liệu quản lý	1.922.354.284	118.530.009
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.684.219.552	1.121.672.923
- Hoàn nhập dự phòng	(51.822.135)	-
- Thuế, phí và lệ phí	1.164.377.526	195.086.791
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	651.913.564	54.226.617
- Chi phí bằng tiền khác	13.925.773.696	2.636.468.806
<b>Cộng</b>	<b>36.681.062.427</b>	<b>7.737.557.81</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản hỗ trợ từ nhà máy Saic Motor Việt Nam	26.908.016.764	2.123.800.042
- Lãi từ thanh lý	1.006.156.800	88.633.603
+ Thu nhập từ thanh lý	26.348.709.091	62.323.545.456
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý	(25.342.552.291)	(62.234.911.853)
- Lãi từ thanh lý CCDC	3.511.111	-
+ Thu nhập thanh lý	9.916.659	-
+ Chi phí thanh lý	(6.405.548)	-
- Thu nhập từ hoạt động khác	15.223.752	1.168.942.794
<b>Cộng</b>	<b>27.932.908.427</b>	<b>3.381.376.439</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	62.854.953	116.900.005
<b>Cộng</b>	<b>62.854.953</b>	<b>116.900.005</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	128.147.840.956	9.436.047.669
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	128.147.840.956	9.436.047.669
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.817.486	4.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP)</b>	<b>9.274</b>	<b>2.247</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	128.147.840.956	9.436.047.669
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	128.147.840.956	9.436.047.669
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.817.486	4.200.000
- Cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong năm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Đồng/CP)</b>	<b>9.274</b>	<b>2.247</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng dụng cụ	7.402.541.499	13.615.400.817
- Chi phí nhân công	53.613.370.555	2.514.420.270
- Chi phí đồ dùng	2.394.089.769	1.172.424.393
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.836.853.385	12.592.125.765
- Thuế, phí và lệ phí	1.164.377.526	195.086.791
- Chi phí bảo hành	354.836.646	15.939.677
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.957.266.248	6.547.177.038
- Chi phí bằng tiền khác	59.616.861.954	5.629.508.374
<b>Cộng</b>	<b>151.340.197.582</b>	<b>42.282.083.125</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng)**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (\*). Chi tiết như sau:

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	910.000.000	-
- Bùi Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	180.000.000	-
- Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	240.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>1.330.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	-
- Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	60.000.000	-
- Trần Văn Mỹ	Thành viên	60.000.000	-
- Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	60.000.000	-
- Hoàng Đức Hùng	Thành viên	60.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>360.000.000</b>	<b>-</b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	Công ty con của Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây
Ông Vũ Hoàng Quân	Cổ đông lớn (Chiếm 11,94%)
Ông Vũ Việt Anh	Cổ đông lớn (Chiếm 6,88%)
Nguyễn Thị Liên	Cổ đông lớn (Chiếm 6,25%)



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giao dịch và số dư với bên liên quan

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			Đơn vị tính: VND
		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Góp vốn đầu tư	41.294.900.000	123.884.700.000	-	165.179.600.000
	Nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng	(21.000.000.000)	-	21.000.000.000	-
	Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe	-	2.165.183.554	(2.165.183.554)	-
	Doanh thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	3.991.000.000	(3.991.000.000)	-
	Doanh thu khác	-	-	-	-
	Chi phí mua xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	(50.250.653.271)	(43.888.091.582)	94.138.744.853	(24.077.622.637)
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Doanh thu bán xe	-	2.407.604.801	(2.407.604.801)	-
	Doanh thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	503.488.325	(503.488.325)	-
	Doanh thu vận chuyển xe và doanh thu khác	-	201.715.614	(201.715.614)	-
	Chi phí mua xe	-	(20.400.000.000)	20.400.000.000	-
	Chi phí bảo dưỡng, sửa xe, phụ tùng, phụ kiện	-	(4.906.949.198)	4.906.949.198	-
					(18.545.454.535)
					(52.534.000)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Đặt cọc hợp tác kinh doanh	780.000.000	-	(780.000.000)	-
	Doanh thu bán xe, bán phụ tùng, sửa chữa xe và khác	6.118.198.498	514.627.862	(6.632.826.360)	447.097.243
	Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	435.000.000	(435.000.000)	395.454.545
	Chi phí mua xe	-	(466.000.000)	466.000.000	(423.636.364)
	Chi phí mua tài sản cố định	-	(492.580.000)	492.580.000	(447.800.000)
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Chi phí dịch sửa chữa xe, phụ tùng, phụ kiện	-	(293.979.970)	293.979.970	(269.630.480)

Công ty CP Ô tô An Thái

Không phát sinh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Số dư với bên liên quan*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2, V.4b.

**3. Báo cáo bộ phận**

*- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Năm nay	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Kinh doanh xe	1.382.785.715.155	1.137.467.437.464	245.318.277.691
Dịch vụ sửa chữa xe	12.251.769.540	13.317.440.153	(1.065.670.613)
Cho thuê xe	16.424.945.873	7.621.465.284	8.803.480.589
Cho thuê địa điểm	1.909.090.908	1.674.993.042	234.097.866
Hoạt động khác	1.200.283.038	24.270.804	1.176.012.234
<b>Cộng</b>	<b>1.414.571.804.514</b>	<b>1.160.105.606.747</b>	<b>254.466.197.767</b>

Năm trước			
Kinh doanh xe	233.900.872.920	208.825.733.159	25.075.139.761
Dịch vụ sửa chữa xe	8.614.401.729	10.640.232.886	(2.025.831.157)
Cho thuê xe	16.798.624.179	6.078.659.670	10.719.964.509
Cho thuê địa điểm	3.818.181.816	1.761.738.243	2.056.443.573
Hoạt động khác	507.312.890	-	507.312.890
<b>Cộng</b>	<b>263.639.393.534</b>	<b>227.306.363.958</b>	<b>36.333.029.576</b>

*- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

**4. Tài sản thế chấp**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã dùng một số tài sản là hàng tồn kho và tài sản cố định là xe demo để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay. Tại ngày 31/12/2024, giá trị hàng tồn kho hình thành theo các lần giải ngân và giá trị tài sản cố định còn lại dùng để thế chấp lần lượt là 31.034.995.273 đồng và 28.678.537.318 đồng (Xem tại thuyết minh V.6, V.8).

*Nhận tài sản của đơn vị khác để bảo lãnh*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cam kết bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng không vượt quá 120.000.000.000đ (Trong đó Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương chấp nhận bảo lãnh vay vốn không quá 55.000.000.000 đồng và tài sản thế chấp là Bất động sản số BV 137220 địa chỉ số 57A Võ Văn Kiệt, Khu phố 3, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.)

**5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thành phố Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN MỸ



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM  
Địa chỉ: Số 236 Kim Giang, Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	8.732.539.734	50.875.462.214
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	9.436.047.669	9.436.047.669
- Lợi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	9.436.047.669	9.436.047.669
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	18.168.587.403	60.311.509.883
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	18.168.587.403	60.311.509.883
6. Tăng trong năm nay	278.000.000.000	-	-	128.147.840.956	406.147.840.956
- Góp vốn	278.000.000.000	-	-	-	278.000.000.000
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	128.147.840.956	128.147.840.956
7. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-
8. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	466.459.350.839

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYỀN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUỖN

Thành phố Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2025



TRẦN VĂN MỸ

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

## **CÔNG TY CP SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	08 - 09
4. Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	12 - 29
7. Phụ lục 01 – Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	30
8. Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	31

---

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101116000 ngày 09 tháng 03 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ 19 ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng).

### 2. Trụ sở hoạt động

#### 2.1. Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, phường Định Công, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: +84 (24) 3 85 52 550
- Fax: +84 (24) 3 55 90 352
- Mã số thuế: 0101116000

#### 2.2. Chi nhánh văn phòng

- Địa chỉ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-001 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Giáp Sau, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-002 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2023, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 05 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp.

- Địa chỉ: Số 08 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-004 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

- Địa chỉ: Số 03 Phạm Hùng, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-005 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2024, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14/04/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

- Địa chỉ: Số 32, Tổ 1, Khu phố 3, phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101116000-006 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Địa chỉ: 2070-2070A Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 007 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

030  
TRAC  
KIEM  
Ch  
v.s.



### **2.3 Địa điểm kinh doanh**

- **Địa chỉ : 54 Kinh Dương Vương, phường Phú Lâm, Tp. HCM.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đã chấm dứt hoạt động ngày 25 tháng 12 năm 2024.

- **Địa chỉ : Số 46 Láng Hạ, phường Láng, Tp. Hà Nội.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 02 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- **Địa chỉ : 92-94-96 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Tp. HCM.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 08 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đã chấm dứt hoạt động tại ngày 24 tháng 12 năm 2024.

- **Địa chỉ: Số 32, tổ 1, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- **Địa chỉ : Tòa nhà thương mại Cao Nguyên 2, đường Lý Thái Tổ, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh.**

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2024, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 05/05/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

- **Địa chỉ : Số 3-5 Nguyễn Văn Linh, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội .**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00004 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2024, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 05/05/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- **Địa chỉ : 801 Quốc lộ 13, Khu phố 4, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00004 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- **Địa chỉ : Số 286 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình cấp.

- **Địa chỉ : Số 125 – 127, tổ 1, khu phố Kim Hải, Phường Long Hương, Tp. Hồ Chí Minh**

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00001 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)

- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ.

#### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

##### 4.1. Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch	30/06/2021	-
Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	30/06/2021	-
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	29/06/2024	-
Bà Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	30/06/2023	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	28/03/2025	-
Ông Hoàng Đức Hùng	Thành viên	30/06/2021	28/03/2025

##### 4.2. Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Bán	Trưởng ban	30/06/2021	-
Bà Trần Thị Hạnh	Ủy viên	30/06/2021	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Ủy viên	30/06/2021	-

##### 4.3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	01/09/2023	-
Bà Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	05/08/2024	-

#### 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Mỹ, chức vụ Tổng Giám đốc.

#### 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 08 đến trang 31.

#### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025.

TM. Hội đồng Quản trị



VŨ THỊ HẠNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Lê Văn Dũng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày:

23-01-2026

01748 01

Số chứng thực

Quyển số SCT/BS



Số: 2384/25/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 7 năm 2025, từ trang 08 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### *Trách nhiệm của Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



**Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-I*

*Chữ ký được ủy quyền*

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>641.452.227.437</b>	<b>434.679.566.513</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>46.117.418.112</b>	<b>157.425.399.323</b>
111	1. Tiền		46.117.418.112	47.425.399.323
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	110.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>164.717.283.657</b>	<b>134.030.118.149</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	73.325.955.119	12.330.527.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	63.480.029.015	74.838.664.364
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	28.244.952.003	47.194.578.773
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(333.652.480)	(333.652.480)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>393.936.406.478</b>	<b>128.140.234.135</b>
141	1. Hàng tồn kho		395.342.066.385	129.545.894.042
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>36.681.119.190</b>	<b>15.083.814.906</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	7.060.726.855	7.377.506.108
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29.620.392.335	7.706.308.798
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>153.649.208.329</b>	<b>141.170.692.669</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.513.000.000</b>	<b>2.302.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	2.513.000.000	2.302.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>134.149.590.079</b>	<b>122.195.754.947</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	134.142.890.079	122.181.014.947
222	- Nguyên giá		172.617.849.458	158.295.360.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.474.959.379)	(36.114.346.014)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	6.700.000	14.740.000
228	- Nguyên giá		88.160.000	88.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.460.000)	(73.420.000)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	<b>609.329.476</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	609.329.476
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.986.618.250</b>	<b>16.063.608.246</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	16.986.618.250	16.063.608.246
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>795.101.435.766</b>	<b>575.850.259.182</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		327.220.032.491	109.390.908.343
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		327.220.032.491	109.390.908.343
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	39.927.449.891	21.656.298.959
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	7.610.879.193	17.398.116.809
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	9.809.798.182	33.196.578.117
314	4. Phải trả người lao động		8.551.718.048	8.222.966.072
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		800.069.831	558.901.224
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	1.160.667.186	2.357.749.402
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	259.359.450.160	26.000.297.760
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		467.881.403.275	466.459.350.839
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.15	467.881.403.275	466.459.350.839
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		147.738.480.795	146.316.428.359
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		114.316.428.359	18.168.587.403
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		33.422.052.436	128.147.840.956
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		795.101.435.766	575.850.259.182

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ DUYỀN

LÊ THỊ HUYỀN



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	687.869.577.608	460.170.359.118
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		687.869.577.608	460.170.359.118
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	580.512.948.433	377.688.195.399
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		107.356.629.175	82.482.163.719
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		545.699.780	15.484.272
22	7. Chi phí tài chính	VI.3	3.559.296.346	1.859.138.679
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.559.296.346	1.859.138.679
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	46.975.165.272	22.565.235.837
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	31.559.829.855	10.850.145.817
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.808.037.482	47.223.127.658
31	11. Thu nhập khác	VI.6	16.339.315.875	5.101.558.889
32	12. Chi phí khác	VI.7	100.990.899	596.042.690
40	13. Lợi nhuận khác		16.238.324.976	4.505.516.199
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.046.362.458	51.728.643.857
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12b	8.624.310.022	10.416.233.512
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		33.422.052.436	41.312.410.345
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.044	2.036
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.044	2.036

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025



TRẦN VĂN MỸ



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025


ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.046.362.458	51.728.643.857
	2. Điều chỉnh cho các khoản		12.039.649.496	7.294.436.294
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8, V.9	10.936.533.986	4.931.285.735
03	- Các khoản dự phòng		-	(51.822.135)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.456.180.836)	555.834.015
06	- Chi phí lãi vay	VI.3	3.559.296.346	1.859.138.679
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.086.011.954	59.023.080.151
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(52.812.249.045)	(57.404.131.435)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(265.796.172.343)	(155.393.844.842)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		8.076.741.498	2.163.201.225
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(606.230.751)	(2.787.453.858)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.559.296.346)	(1.859.138.679)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(32.270.189.772)	(2.386.458.270)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(292.881.384.805)	(158.644.745.708)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(53.875.831.311)	(36.775.501.192)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		33.505.272.725	10.464.545.454
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		545.699.780	15.484.272
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.824.858.806)	(26.295.471.466)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	38.000.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14	433.342.004.040	408.266.320.632
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14	(199.982.851.640)	(261.062.799.560)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.960.890.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		201.398.262.400	185.203.521.072
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(111.307.981.211)	263.303.898
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		157.425.399.323	7.809.472.833
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	46.117.418.112	8.072.776.731

Người lập biểu

  
 PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

  
 LÊ THỊ HUYỀN

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ.

#### 4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đã mở rộng quy mô hoạt động, thành lập thêm các chi nhánh và địa điểm kinh doanh mới trên các tỉnh thành. Vì vậy, doanh thu tăng, chi phí nhân viên và chi phí hoạt động khác cũng tăng theo tạo nên sự biến động mạnh so với cùng kỳ năm trước.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định thành phố Hồ Chí Minh (Cũ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.)
2	Chi nhánh MG Bắc Giang - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	TDP Giáp Sau, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh. (Cũ: Tổ dân phố Giáp Sau, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang)
3	Chi nhánh Nam Định - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 8 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình (Cũ: Số 08 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ.

#### 4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đã mở rộng quy mô hoạt động, thành lập thêm các chi nhánh và địa điểm kinh doanh mới trên các tỉnh thành. Vì vậy, doanh thu tăng, chi phí nhân viên và chi phí hoạt động khác cũng tăng theo tạo nên sự biến động mạnh so với cùng kỳ năm trước.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định thành phố Hồ Chí Minh (Cũ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.)
2	Chi nhánh MG Bắc Giang - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	TDP Giáp Sau, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh. (Cũ: Tổ dân phố Giáp Sau, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang)
3	Chi nhánh Nam Định - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 8 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình (Cũ: Số 08 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định)

<i>Stt</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
4	Chi nhánh Đà Nẵng- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 03 Phạm Hùng, phường Hoà Xuân, TP Đà Nẵng (Cũ: Số 03 Phạm Hùng, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam).
5	Chi nhánh Đồng Nai- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 32, tổ 1, khu phố 3, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai (Cũ: Số 32, tổ 1, khu phố 3, phường An Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai).
6	Chi nhánh An Giang- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 2070-2070A, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang (Cũ: Số 2070-2070A Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang)

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 575 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 585 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: toàn bộ là chi phí của việc sửa chữa xe chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10

## **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

## **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **9. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



#### 10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

#### 11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu bán xe ô tô*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.



**12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

**13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế thu nhập DN hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**17. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	4.215.164.598	6.863.847.488
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.902.253.514	40.561.551.835
- Các khoản tương đương tiền	-	110.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.117.418.112</b>	<b>157.425.399.323</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>15.748.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	15.748.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>57.577.955.119</i>	<i>12.330.527.492</i>
Công ty CP TMDV Tổng hợp Ngôi Sao Việt	32.363.772.408	-
Khách hàng khác	25.214.182.711	12.330.527.492
<b>Cộng</b>	<b>73.325.955.119</b>	<b>12.330.527.492</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>63.480.029.015</i>	<i>74.838.664.364</i>
Ông Trần Khắc Phục <sup>(1)</sup>	30.410.766.400	30.410.766.400
Công ty CP Xây lắp điện công trình Thăng Long <sup>(2)</sup>	15.001.000.001	26.456.345.601
Đối tượng khác	18.068.262.614	17.971.552.363
<b>Cộng</b>	<b>63.480.029.015</b>	<b>74.838.664.364</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản tiền trả trước cho ông Trần Khắc Phục theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc nhận chuyển nhượng thửa đất tại phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

<sup>(2)</sup> Là khoản tiền ứng trước cho Công ty Cổ phần Xây lắp điện công trình Thăng Long theo Hợp đồng nguyên tắc số 25.12/HĐNT/PTM-THANGLONG ngày 1/12/2024 để thực hiện tìm kiếm cơ sở vật chất, Xây dựng cải tạo để mở các đại lý: MG An Giang, MG Hưng Yên, MG Hải Dương, MG Bình Chánh theo tiêu chuẩn nhận diện thương hiệu MG toàn cầu.

**4. Phải thu khác**

**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</b>		
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>28.244.952.003</b>	<b>47.194.578.773</b>
Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam (*)	25.938.133.670	42.851.713.190
Tạm ứng của nhân viên	1.739.176.907	1.085.399.905
Phải thu khác	567.641.426	3.257.465.678
<b>Cộng</b>	<b>28.244.952.003</b>	<b>47.194.578.773</b>

(\*) Là khoản phải thu tiền theo chính sách bán hàng cho khách của nhà phân phối - Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam.

**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan</b>		
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>2.513.000.000</b>	<b>2.302.000.000</b>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP (1)	1.040.000.000	1.040.000.000
- Khách hàng khác	1.473.000.000	1.262.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.513.000.000</b>	<b>2.302.000.000</b>

(1) Là khoản tiền đặt cọc cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP theo hợp đồng số 03/HĐTD ngày 16 tháng 06 năm 2020 và hợp đồng số 01/HĐTD ngày 08 tháng 03 năm 2022 về việc Cho thuê bãi đỗ xe, văn phòng và xưởng sửa chữa xe ô tô.

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>333.652.480</b>	-		<b>333.652.480</b>	-
- Công ty XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	-	Trên 3 năm	68.800.000	-
- Hợp doanh DMC – FER	Trên 3 năm	53.650.000	-	Trên 3 năm	53.650.000	-
- Công ty CP SX và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	-	Trên 3 năm	41.987.000	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	169.215.480	-	Trên 3 năm	169.215.480	-
<b>Cộng</b>		<b>333.652.480</b>	-		<b>333.652.480</b>	-

(\*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	78.267.750	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu (1)	5.528.597.360	(1.405.659.907)	3.688.991.886	(1.405.659.907)
- Công cụ, dụng cụ	468.073.186	-	343.994.681	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	803.278.077	-	520.067.148	-
- Hàng hóa (2)	388.463.850.012	-	124.992.840.327	-
<b>Cộng</b>	<b>395.342.066.385</b>	<b>(1.405.659.907)</b>	<b>129.545.894.042</b>	<b>(1.405.659.907)</b>

(1) Là phụ tùng, vật tư sửa chữa xe ô tô.

(2) Là xe ô tô dùng để bán.



Tại ngày 30/06/2025, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay là 317.364.820.727 đồng ( xem thuyết minh tại mục V.13).

**7. Chi phí trả trước**

**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	2.262.377.109	2.004.920.456
- Phí bảo hiểm cháy nổ	275.059.692	135.434.040
- Sửa chữa văn phòng	107.052.711	249.002.268
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.416.237.343	4.988.149.344
<b>Cộng</b>	<b>7.060.726.855</b>	<b>7.377.506.108</b>

**Tình hình biến động:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Số đầu năm</b>	<b>7.377.506.108</b>	<b>594.094.211</b>
Tăng trong kỳ	11.023.935.027	6.097.397.408
Tăng do điều chỉnh từ dài hạn sang ngắn hạn	-	1.994.598.484
Phân bổ trong kỳ	(11.325.514.279)	(4.310.625.844)
Giảm do điều chỉnh từ ngắn hạn sang dài hạn	(15.200.000)	(244.420.825)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.060.726.855</b>	<b>4.131.043.434</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa văn phòng	7.596.952.051	6.966.522.938
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	5.529.485.571	4.399.131.224
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.860.180.628	4.697.954.084
<b>Cộng</b>	<b>16.986.618.250</b>	<b>16.063.608.246</b>

**Tình hình biến động:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Số đầu năm</b>	<b>16.063.608.246</b>	<b>4.715.910.672</b>
Tăng trong kỳ	7.302.457.274	1.596.435.463
Tăng do điều chỉnh từ ngắn hạn sang dài hạn	15.200.000	244.420.823
Phân bổ trong kỳ	(3.035.220.360)	(595.753.162)
Giảm do điều chỉnh khác	(3.359.426.910)	(1.994.598.489)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.986.618.250</b>	<b>3.966.415.307</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Xem chi tiết Phụ lục số 02 – Chi tiết tăng giảm Tài sản cố định hữu hình.

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	88.160.000	88.160.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	88.160.000	88.160.000
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.920.000	39.920.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	73.420.000	73.420.000
Tăng trong kỳ	8.040.000	8.040.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	81.460.000	81.460.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	14.740.000	14.740.000
Số cuối kỳ	6.700.000	6.700.000

**10. Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	39.927.449.891	21.656.298.959
Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam	34.757.415.165	15.211.720.004
Khách hàng khác	5.170.034.726	6.444.578.955
<b>Cộng</b>	39.927.449.891	21.656.298.959

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là tiền khách hàng trả tiền trước để mua xe.

**12. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	
	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>
- Thuế GTGT phải nộp	641.338.247	-	4.993.587.625	(4.893.343.734)	741.582.138	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.160.620.312	-	8.624.310.022	(32.270.189.772)	8.514.740.562	-
- Thuế thu nhập cá nhân	394.619.558	-	1.441.269.376	(1.285.890.567)	549.998.367	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	159.830.424	(159.830.424)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	41.698.745	(38.221.630)	3.477.115	-
<b>Cộng</b>	33.196.578.117	-	15.260.696.192	(38.647.476.127)	9.809.798.182	-

**12a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**12b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Doanh nghiệp phải nộp thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.046.362.458	51.728.643.857
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		-
- Các khoản điều chỉnh tăng	527.340.352	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Thu nhập chịu thuế	42.573.702.810	51.728.643.857
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	42.573.702.810	51.728.643.857
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.514.740.562	10.345.728.771
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước (*)	109.569.460	70.504.741
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>8.624.310.022</b>	<b>10.416.233.512</b>

(\*) Theo Quyết định số 11298/QĐ-CTHN-TTKT3-XPVPHC ngày 28/02/2025 của Cục thuế TP Hà Nội.

#### 12c. Các loại thuế khác

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.

#### 13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.160.667.186	2.357.749.402
- Công ty TNHH Sài Gòn Boulevard Complex (*)	420.000.000	420.000.000
- Khách hàng khác	740.667.186	1.937.749.402
<b>Cộng</b>	<b>1.160.667.186</b>	<b>2.357.749.402</b>

(\*) Là khoản nhận đặt cọc phải trả cho Công ty TNHH Sài Gòn Boulevard Complex theo Hợp đồng thuê xe số 0903/2023/HĐTX ký ngày 06/04/2022 và Phụ lục hợp đồng thuê xe số PL 03- 0903/HĐTX ký ngày 16/04/2024 để thực gia hạn thời gian thuê xe đến hết ngày 30/04/2025. Số tiền cọc sẽ hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

#### 14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	259.359.450.160	259.359.450.160	26.000.297.760	26.000.297.760
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn <sup>(1)</sup>	118.244.594.160	118.244.594.160	16.954.000.000	16.954.000.000
Ngân hàng HSBC Chi nhánh HCM <sup>(2)</sup>	49.960.623.440	49.960.623.440	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình <sup>(3)</sup>	29.826.355.840	29.826.355.840	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương <sup>(4)</sup>	25.429.269.360	25.429.269.360	9.046.297.760	9.046.297.760
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên <sup>(5)</sup>	35.898.607.360	35.898.607.360	-	-
<b>Cộng</b>	<b>259.359.450.160</b>	<b>259.359.450.160</b>	<b>26.000.297.760</b>	<b>26.000.297.760</b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 252991/028/2025-HĐCVHM/NHCT923-PTM ngày 27/06/2025. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng. Mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh các mẫu xe MG. Thời hạn vay 05 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là tài sản cố định và hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V6, V.9).

(2) Là khoản vay Ngân hàng HSBC Chi nhánh HCM ngày 27/08/2024 và văn bản sửa đổi ngày 22/01/2025 Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 04 tháng. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.6).

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/4820300/HĐTD ngày 28/05/2025. Hạn mức tín dụng tối đa 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.6).

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương được sử dụng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời gian cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.6).

(5) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01-LBHN/2025/4820300/HĐTD ngày 28/05/2025. Hạn mức 150.000.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.6).

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn Ngân hàng	26.000.297.760	433.342.004.040	(199.982.851.640)	259.359.450.160
Cộng	26.000.297.760	433.342.004.040	(199.982.851.640)	259.359.450.160

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết phụ lục số 02.

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	165.179.600.000	51,62	165.179.600.000	51,62
- Bà Vũ Thị Hạnh	36.214.100.000	11,32	-	-
- Bà Nguyễn Thị Liên	20.000.000.000	6,25	20.000.000.000	6,25
- Các cổ đông khác	131.198.990.000	30,81	74.606.300.000	42,13
Cộng	320.000.000.000	100,00	320.000.000.000	100,00



Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	320.000.000.000	320.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>-</b>

## **VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**

### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu kinh doanh xe	661.109.924.721	445.778.840.453
- Doanh thu sửa chữa xe	18.070.981.198	3.589.382.533
- Doanh thu hoạt động khác	8.688.671.689	10.802.136.132
<b>Cộng</b>	<b>687.869.577.608</b>	<b>460.170.359.118</b>

(\*) Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan số tiền là 15.402.801.434 đồng (xem tại thuyết minh VII.2b).

### **2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn kinh doanh xe	558.562.034.383	367.484.163.426
- Giá vốn sửa chữa xe	16.986.794.775	3.617.674.866
- Giá vốn hoạt động khác	4.964.119.275	6.586.357.107
<b>Cộng</b>	<b>580.512.948.433</b>	<b>377.688.195.399</b>

### **3. Chi phí tài chính**

Toàn bộ là chi phí lãi vay.

### **4. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	21.754.033.010	10.736.513.344
- Chi phí vật liệu, bao bì	137.307.360	98.226.631
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	173.681.317	130.959.583
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.372.632.010	730.468.976
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.644.990.765	4.457.979.024
- Chi phí bằng tiền khác	10.892.520.810	6.411.088.279
<b>Cộng</b>	<b>46.975.165.272</b>	<b>22.565.235.837</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	13.922.672.550	4.989.483.797
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.818.170.586	792.523.611
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.513.921.159	1.171.820.824
- Hoàn nhập dự phòng	-	(51.822.135)
- Thuế, phí và lệ phí	690.856.660	505.639.166
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	295.827.237	386.607.715
- Chi phí bằng tiền khác	10.318.381.663	3.055.892.839
<b>Cộng</b>	<b>31.559.829.855</b>	<b>10.850.145.817</b>

**6. Thu nhập khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản hỗ trợ từ nhà máy Saic Motor Việt Nam	14.416.325.046	5.094.623.628
- Lãi từ thanh lý xe	1.910.481.056	-
+ Thu nhập thanh lý	33.505.272.725	-
+ Chi phí thanh lý	(31.594.791.669)	-
- Thu nhập từ hoạt động khác	12.509.773	6.935.261
<b>Cộng</b>	<b>16.339.315.875</b>	<b>5.101.558.889</b>

**7. Chi phí khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí từ thanh lý	-	571.318.287
+ Thu nhập từ thanh lý	-	10.464.545.454
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý	-	11.035.863.741
- Chi phí khác	100.990.899	24.724.403
<b>Cộng</b>	<b>100.990.899</b>	<b>596.042.690</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.422.052.436	41.312.410.345
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.422.052.436	41.312.410.345
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.000.000	20.295.890
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP)</b>	<b>1.044</b>	<b>2.036</b>



**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.422.052.436	41.312.410.345
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.422.052.436	41.312.410.345
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ + Cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong kỳ	32.000.000	20.295.890
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Đồng/CP)</b>	<b>1.044</b>	<b>2.036</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng dụng cụ	14.109.762.234	2.732.524.192
- Chi phí nhân công	36.416.190.877	16.463.116.355
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.936.533.986	4.931.285.735
- Thuế, phí và lệ phí	690.856.660	1.216.517.610
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.937.176.382	7.997.469.076
- Chi phí bằng tiền khác	25.191.013.317	9.604.867.892
<b>Cộng</b>	<b>103.281.533.456</b>	<b>42.945.780.860</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng)**

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Trần Văn Mỹ	520.000.000	420.000.000
- Lê Thị Huyền	360.000.000	-
- Bùi Thị Thanh Nhân	-	180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>880.000.000</b>	<b>600.000.000</b>

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	200.000.000	-
- Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	80.000.000	-
- Trần Văn Mỹ	Thành viên	80.000.000	-
- Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	80.000.000	-
- Hoàng Đức Hùng	Thành viên	40.000.000	-
- Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	40.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>520.000.000</b>	-

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	Công ty con của Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây
Bà Vũ Thị Hạnh	Cổ đông lớn (Chiếm 11,32%)
Nguyễn Thị Liên	Cổ đông lớn (Chiếm 6,25%)

**Giao dịch và số dư với bên liên quan**

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan:**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh</b>		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	970.639.855	954.545.454
- Doanh thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	3.628.181.818
- Mua nguyên vật liệu	3.036.316	-
- Chi phí mua xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	4.376.459.486	5.794.718.896
- Chia cổ tức	16.517.960.000	-
<b>Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ</b>		
- Doanh thu bán xe, trang bị và sửa chữa	14.326.339.561	90.442.727
- Chi phí bảo dưỡng, sửa xe, phụ tùng, phụ kiện	16.444.000	8.950.000
- Chi phí mua xe	-	18.545.454.535
<b>Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây</b>		
- Doanh thu bán xe, bán phụ tùng, sửa chữa xe và khác	105.822.018	259.639.072
- Doanh thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	395.454.545
- Chi phí dịch sửa chữa xe, phụ tùng, phụ kiện	353.704.800	144.988.380
- Chi phí mua xe	-	423.636.364
<b>Công ty Cổ phần Ô tô An Thái</b>		
Không phát sinh		

**Số dư với bên liên quan**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2, V.4b, V.10b, V.14b.



### 3. Báo cáo bộ phận

#### - Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kỳ này	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Kinh doanh xe	661.109.924.721	558.495.949.024	102.613.975.697
Dịch vụ sửa chữa xe	18.070.981.198	16.986.623.294	1.084.357.904
Hoạt động khác	8.688.671.689	4.964.119.275	3.724.552.414
<b>Cộng</b>	<b>687.869.577.608</b>	<b>580.446.691.593</b>	<b>107.422.886.015</b>
<b>Kỳ trước</b>			
Kinh doanh xe	445.778.840.453	367.484.163.426	78.294.677.027
Dịch vụ sửa chữa xe	3.589.382.533	3.617.674.866	(28.292.333)
Hoạt động khác	10.802.136.132	6.586.357.107	4.215.779.025
<b>Cộng</b>	<b>460.170.359.118</b>	<b>377.688.195.399</b>	<b>82.482.163.719</b>

#### - Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

### 4. Tài sản thế chấp

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã dùng một số tài sản là hàng tồn kho và tài sản cố định là xe demo để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay. Tại ngày 30/06/2025, giá trị hàng tồn kho hình thành theo các lần giải ngân và giá trị tài sản cố định còn lại dùng để thế chấp lần lượt là 317.364.820.727 đồng và 19.723.433.458 đồng (Xem tại thuyết minh V.6, V.8).

#### Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cam kết bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng không vượt quá 120.000.000.000đ (Trong đó Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương chấp nhận bảo lãnh vay vốn không quá 55.000.000.000 đồng và tài sản thế chấp là Bất động sản số BV 137220 địa chỉ số 57A Võ Văn Kiệt, Khu phố 3, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.)

### 5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN



TRẦN VĂN MỸ



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Định Công thành phố Hà Nội, Việt Nam

Phụ lục số 01: Chỉ tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

## PHỤ LỤC SỐ 01: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, Quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	69.240.660.669	1.047.558.440	86.516.992.511	909.818.454	580.330.887	158.295.360.961
2. Tăng trong kỳ	40.556.148.058	892.621.846	12.130.674.381	969.853.500	340.693.889	54.889.991.674
- Tăng do Mua sắm	34.755.086.771	892.621.846	12.130.674.381	969.853.500	340.693.889	49.088.930.387
- Đầu tư xây dựng cơ bản	5.396.230.400	-	-	-	-	5.396.230.400
- Tăng khác	404.830.887	-	-	-	-	404.830.887
3. Giảm trong kỳ	-	-	40.162.672.290	-	404.830.887	40.567.503.177
- Thanh lý	-	-	40.162.672.290	-	-	40.162.672.290
- Giảm khác					404.830.887	404.830.887
4. Số dư cuối kỳ	109.796.808.727	1.940.180.286	58.484.994.602	1.879.671.954	516.193.889	172.617.849.458
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1 Số dư đầu năm	21.050.978.278	660.436.165	14.024.060.213	342.604.879	36.266.479	36.114.346.014
2. Tăng trong kỳ	5.739.316.816	153.772.109	4.882.786.349	117.676.006	39.501.489	10.933.052.769
- Khấu hao trong kỳ	5.739.316.816	153.772.109	4.878.227.566	117.676.006	39.501.489	10.928.493.986
- Tăng khác	-	-	4.558.783	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	4.558.783	-	8.567.880.621	-	-	8.572.439.404
- Thanh lý	-	-	8.567.880.621	-	-	8.567.880.621
- Giảm khác	4.558.783	-	-	-	-	4.558.783
4. Số dư cuối kỳ	26.785.736.311	814.208.274	10.338.965.941	460.280.885	75.767.968	38.474.959.379
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	48.189.682.391	387.122.275	72.492.932.298	567.213.575	544.064.408	122.181.014.947
2. Tại ngày cuối kỳ	83.011.072.416	1.125.972.012	48.146.028.661	1.419.391.069	440.423.921	134.142.890.079

**Trong đó:**

Nguyên giá của các tài sản đã hết giá trị còn lại nhưng còn sử dụng: 5.979.971.324 đồng.

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 tính đến cuối năm báo này là 19.773.433.458 đồng.

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

### Kế toán trường

PHAM THI DUYEN

LÊ THỊ HUỖN



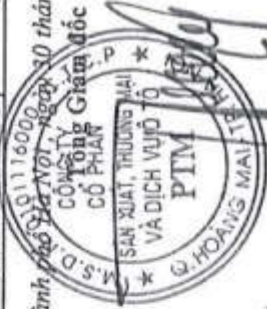
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM  
Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 02: TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	18.168.587.403	60.311.509.883
2. Tăng trong năm trước	38.000.000.000	-	-	41.312.410.345	79.312.410.345
- Lãi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	41.312.410.345	41.312.410.345
- Góp vốn	38.000.000.000	-	-	-	38.000.000.000
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	80.000.000.000	20.000.000	122.922.480	59.480.997.748	139.623.920.228
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	466.459.350.839
6. Tăng trong năm nay	-	-	-	33.422.052.436	33.422.052.436
- Góp vốn	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	33.422.052.436	33.422.052.436
7. Giảm trong năm nay	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
- Trích Thủ lao Hội đồng Thành viên và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-
- Nộp lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
8. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	147.738.480.795	467.881.403.275

Người lập biểu  
Kế toán trưởng

PHẠM THỊ DUYỄN  
LÊ THỊ HUỲNH  
TRẦN VĂN MỸ



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, P. Định Công, TP. Hà Nội



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÝ 4 NĂM 2025**

**SỐ TỶ BẢN CHÍNH**  
Ngày 28 tháng 01 năm 2026



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Văn Mỹ*

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	05 - 22

TH  
C  
DINH



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
1	2	3	4	5
100	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		416.192.121.823	434.679.566.513
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	22.978.702.835	157.425.399.323
111	1. Tiền		22.978.702.835	47.425.399.323
112	2. Các khoản tương đương tiền			110.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		2.500.000.000	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	2.500.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		79.417.287.478	134.030.118.149
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	59.593.533.007	12.330.527.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	5.802.659.692	74.838.664.364
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	14.354.747.259	47.194.578.773
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(333.652.480)	(333.652.480)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		292.506.202.975	128.140.234.135
141	1. Hàng tồn kho	V.7	293.911.862.882	129.545.894.042
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		18.789.928.535	15.083.814.906
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	4.106.149.540	7.377.506.108
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.683.778.995	7.706.308.798
200	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		252.347.441.794	141.170.692.669
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		2.531.000.000	2.302.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.531.000.000	2.302.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		136.294.825.332	122.195.754.947
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	109.834.622.532	122.181.014.947
222	- Nguyên giá		157.737.798.490	158.295.360.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.903.175.958)	(36.114.346.014)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	26.460.202.800	14.740.000
228	- Nguyên giá		26.548.362.800	88.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.160.000)	(73.420.000)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		30.410.766.400	609.329.476
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		30.410.766.400	609.329.476
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.11	68.540.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.11	68.540.000.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		14.570.850.062	16.063.608.246
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	14.570.850.062	16.063.608.246
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		668.539.563.617	575.850.259.182

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
1	2	3	4	5
300	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		198.380.896.257	109.390.908.343
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		198.380.896.257	109.390.908.343
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	31.066.393.583	21.656.298.959
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	6.761.918.591	17.398.116.809
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	10.687.042.059	33.196.578.117
314	4. Phải trả người lao động		5.757.657.924	8.222.966.072
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.006.810.116	558.901.224
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	921.364.638	2.357.749.402
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	142.179.709.346	26.000.297.760
400	<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		470.158.667.360	466.459.350.839
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.17	470.158.667.360	466.459.350.839
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		150.015.744.880	146.316.428.359
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		114.316.428.359	18.168.587.403
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		35.699.316.521	128.147.840.956
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		668.539.563.617	575.850.259.182

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN

TP Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026



TRẦN VĂN MỸ



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		312.518.077.539	542.883.050.871	1.300.684.228.245	1.414.571.804.514
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL1	312.518.077.539	542.883.050.871	1.300.684.228.245	1.414.571.804.514
11	4. Giá vốn hàng bán	VL2	288.930.406.981	455.604.050.686	1.134.664.135.433	1.160.105.606.747
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.587.670.558	87.279.000.185	166.020.092.812	254.466.197.767
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		8.241.041	198.611.531	568.627.344	232.183.926
22	7. Chi phí tài chính	VL3	2.361.391.747	1.561.866.869	8.708.670.709	4.946.880.616
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.361.391.747	1.561.866.869	8.708.670.709	4.946.880.616
25	8. Chi phí bán hàng	VL4	21.062.402.624	36.905.593.623	94.095.088.637	80.561.526.115
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL5	16.168.261.031	16.055.285.733	65.384.862.412	36.681.062.427
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.996.143.803)	32.954.865.491	(1.599.901.602)	132.508.912.535
31	11. Thu nhập khác		18.834.173.872	11.387.001.109	47.130.017.320	27.932.908.427
32	12. Chi phí khác		335.110.485	(569.883.634)	437.493.690	62.854.953
40	13. Lợi nhuận khác		18.499.063.387	11.956.884.743	46.692.523.630	27.870.053.474
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.502.919.584	44.911.750.234	45.092.622.028	160.378.966.009
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VL13	588.322.028	9.067.177.157	9.393.305.507	32.231.125.053
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.914.597.556	35.844.573.077	35.699.316.521	128.147.840.956
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL6	-	-	-	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VL7	-	-	-	-

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYỄN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN

TP Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2026



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		45.092.622.028	160.378.966.009
	2. Điều chỉnh cho các khoản		27.068.271.026	16.493.571.140
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		23.321.352.857	12.836.853.385
03	- Các khoản dự phòng		-	(51.822.135)
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.961.752.540)	(1.238.340.726)
06	- Chi phí lãi vay	VI.3	8.708.670.709	4.946.880.616
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		72.160.893.054	176.872.537.149
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		47.406.360.474	(85.883.962.767)
10	- Tăng/Giảm hàng tồn kho		(164.365.968.840)	(69.553.703.544)
11	- Giảm/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(4.351.649.407)	(27.873.102.580)
12	- Giảm/tăng chi phí trả trước		4.508.934.738	(18.131.109.471)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.708.670.709)	(4.946.880.616)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	VI.13	(32.270.189.772)	(2.386.458.270)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(85.620.290.462)	(31.902.680.099)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(134.638.600.408)	(100.880.718.588)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		72.065.045.452	26.348.709.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.500.000.000)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(68.540.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		568.627.344	232.183.926
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(133.044.927.612)	(74.299.825.571)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	278.000.000.000
33	3. Tiền thu từ đi vay	VI.14	755.696.061.266	803.881.224.552
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VI.14	(639.516.649.680)	(826.062.792.392)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.960.890.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư tài chính		84.218.521.586	255.818.432.160
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(134.446.696.488)	149.615.926.490
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	VI.1	157.425.399.323	7.809.472.833
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	VI.1	22.978.702.835	157.425.399.323

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN

TP Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

ĐỊNH CÔNG - TP. HÀ NỘI

TRẦN VĂN MỸ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ

#### 4. Chu kỳ năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Công ty

Công ty con:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025
01	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	Số nhà 97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	0%	99,33%	0%	99,33%	0%	99,33%

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh.) (Cũ: Số 335C đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.)
2	Chi nhánh MG Bắc Giang - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	TDP Giáp Sau, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh. (Cũ: TDP Giáp Sau, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang)
3	Chi nhánh Nam Định - Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 8 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình (Cũ: Số 08 Trần Anh Tông, Quốc lộ 10, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định)
4	Chi nhánh Đà Nẵng- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 03 Phạm Hùng, phường Hoà Xuân, TP Đà Nẵng (Cũ: Số 03 Phạm Hùng, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam).
5	Chi nhánh Đồng Nai- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 32, tổ 1, khu phố 3, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai (Cũ: Số 32, tổ 1, khu phố 3, phường An Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai).
6	Chi nhánh An Giang- Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 2070-2070A, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang (Cũ: Số 2070-2070A Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang)

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 464 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 585 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính (riêng) của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (riêng).

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư vào công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữ vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập báo cáo tài chính (hợp nhất) thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: toàn bộ là chi phí của việc sửa chữa xe chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10



## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

## **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **10. Vốn chủ sở hữu**

### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu bán xe ô tô***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.



**13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

**14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế thu nhập DN hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi

**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
- Tiền mặt	2.240.786.417	6.863.847.488
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.737.916.418	40.561.551.835
- Các khoản tương đương tiền	-	110.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>22.978.702.835</b></u>	<u><b>157.425.399.323</b></u>

### **2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><b>2.500.000.000</b></u>	<u><b>-</b></u>

### **3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	59.593.533.007	12.330.527.492
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tương Lai Việt	27.723.976.345	-
Khách hàng khác	31.869.556.662	12.330.527.492
<b>Cộng</b>	<u><b>59.593.533.007</b></u>	<u><b>12.330.527.492</b></u>

### **4. Trả trước cho người bán**

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.802.659.692	74.838.664.364
Công ty Cổ phần Xây lắp điện công trình Thăng Long	5.001.000.001	26.456.345.601
Đối tượng khác	801.659.691	48.382.318.763
<b>Cộng</b>	<u><b>5.802.659.692</b></u>	<u><b>74.838.664.364</b></u>

### **5. Phải thu khác**

#### **5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chủ yếu là khoản tiền thưởng theo chính sách bán hàng của Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam.

#### **5b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Ngày 31/12/2025</u>	<u>Ngày 31/12/2024</u>
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	2.531.000.000	2.302.000.000
- Công ty CP đầu tư và phát triển TDP	1.040.000.000	1.040.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.491.000.000	1.262.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>2.531.000.000</b></u>	<u><b>2.302.000.000</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Ngày 31/12/2025			Ngày 31/12/2024		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi <sup>(*)</sup>	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi <sup>(*)</sup>
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		333.652.480	-		333.652.480	-
- Công ty XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	-	Trên 3 năm	68.800.000	-
- Hợp doanh DMC – FER	Trên 3 năm	53.650.000	-	Trên 3 năm	53.650.000	-
- Công ty CP SX và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	-	Trên 3 năm	41.987.000	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	169.215.480	-	Trên 3 năm	169.215.480	-
<b>Cộng</b>		333.652.480	-		333.652.480	-

<sup>(\*)</sup> Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.**7. Hàng tồn kho**

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	21.592.500	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	7.708.684.750	(1.405.659.907)	3.688.991.886	(1.405.659.907)
- Công cụ, dụng cụ	311.102.397	-	343.994.681	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.421.888.056	-	520.067.148	-
- Hàng hóa	284.448.595.179	-	124.992.840.327	-
<b>Cộng</b>	<b>293.911.862.882</b>	<b>(1.405.659.907)</b>	<b>129.545.894.042</b>	<b>(1.405.659.907)</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	881.800.786	2.004.920.456
- Phí bảo hiểm cháy nổ	159.629.165	135.434.040
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.064.719.589	5.237.151.612
<b>Cộng</b>	<b>4.106.149.540</b>	<b>7.377.506.108</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
- Chi phí sửa chữa văn phòng	6.147.806.021	6.966.522.938
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	6.435.486.533	4.399.131.224
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.987.557.508	4.697.954.084
<b>Cộng</b>	<b>14.570.850.062</b>	<b>16.063.608.246</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết xem Phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Ngày 31/12/2024	-	88.160.000	88.160.000
Tăng trong kỳ	26.460.202.800	-	26.460.202.800
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2025	26.460.202.800	88.160.000	26.548.362.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31/12/2024	-	73.420.000	73.420.000
Tăng trong kỳ	-	14.740.000	14.740.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2025	-	88.160.000	88.160.000
Giá trị còn lại			
Ngày 31/12/2024	-	14.740.000	14.740.000
Ngày 31/12/2025	26.460.202.800	-	26.460.202.800

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

Là các khoản đầu tư vào công ty con.

	Ngày 31/12/2025			Ngày 31/12/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	68.540.000.000	68.540.000.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>68.540.000.000</b>	<b>68.540.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 149.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt là 99,33% (tỉ lệ tại thời điểm đầu năm là 0%)

**Giao dịch với công ty con**

Các giao dịch liên quan của công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM với công ty con đã được Hội đồng quản trị thông qua.

Các giao dịch trọng yếu giữa công ty với công ty con như sau:

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Doanh thu bán xe	5.194.545.454	-
<b>Cộng</b>	<b>5.194.545.454</b>	<b>-</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Phải trả các bên liên quan	25.779.000.000	-
Công ty cổ phần Cơ khí ô tô Cần Thơ	25.779.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.287.393.583	21.656.298.959
Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam	2.364.003.762	15.211.720.004
Khách hàng khác	2.923.389.821	6.444.578.955
<b>Cộng</b>	<b>31.066.393.583</b>	<b>21.656.298.959</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là tiền khách hàng trả tiền trước để mua xe.

**14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT phải nộp	916.800.602	-	641.338.247	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.283.736.047	-	32.160.620.312	-
- Thuế thu nhập cá nhân	486.505.410	-	394.619.558	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
- Thuế môn bài, thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.687.042.059</b>	<b>-</b>	<b>33.196.578.117</b>	<b>-</b>

**14a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**14b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Doanh nghiệp phải nộp thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.092.622.028	160.378.966.009
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.326.058.205	424.135.551
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	46.418.680.233	160.803.101.560
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	46.418.680.233	161.099.156.117
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.283.736.047	32.160.620.312
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	109.569.460	70.504.741
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>9.393.305.507</b>	<b>32.231.125.053</b>

**14c. Các loại thuế khác**

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	142.179.709.346	142.179.709.346	26.000.297.760	26.000.297.760
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn	59.643.273.856	59.643.273.856	16.954.000.000	16.954.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương	17.191.200.000	17.191.200.000	9.046.297.760	9.046.297.760
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Tân Bình	16.287.060.480	16.287.060.480	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Long Biên	18.652.885.440	18.652.885.440	-	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	30.405.289.570	30.405.289.570	-	-
<b>Cộng</b>	<b>142.179.709.346</b>	<b>142.179.709.346</b>	<b>26.000.297.760</b>	<b>26.000.297.760</b>

*Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:*

	Ngày 31/12/2024	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Ngày 31/12/2025
Vay ngắn hạn Ngân hàng	26.000.297.760	755.696.061.266	639.516.649.680	142.179.709.346
<b>Cộng</b>	<b>26.000.297.760</b>	<b>755.696.061.266</b>	<b>639.516.649.680</b>	<b>142.179.709.346</b>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</i>	921.364.638	2.357.749.402
Công ty TNHH Sài Gòn Boulevard Complex	420.000.000	420.000.000
- Khách hàng khác	501.364.638	1.937.749.402
<b>Cộng</b>	<b>921.364.638</b>	<b>2.357.749.402</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết phụ lục số 02

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	165.179.600.000	51,62	165.179.600.000	51,62
- Các cổ đông khác	154.820.400.000	48,38	154.820.400.000	48,38
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	320.000.000.000	320.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu kinh doanh xe	1.242.549.823.144	1.382.787.307.007
- Doanh thu sửa chữa xe	44.289.095.113	12.251.769.540
- Doanh thu hoạt động khác	13.845.309.988	19.532.727.967
<b>Cộng</b>	<b>1.300.684.228.245</b>	<b>1.414.571.804.514</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Chủ yếu là giá vốn hoạt động kinh doanh xe và dịch vụ sửa chữa xe.

**3. Chi phí tài chính**

Toàn bộ là chi phí lãi vay.

**4. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	38.621.057.099	35.294.420.151
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.518.576.267	3.318.943.520
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	48.955.455.271	41.948.162.444
<b>Cộng</b>	<b>94.095.088.637</b>	<b>80.561.526.115</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	27.988.271.024	15.384.245.940
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.201.516.055	3.684.219.552
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	26.195.075.333	17.612.596.935
<b>Cộng</b>	<b>65.384.862.412</b>	<b>36.681.062.427</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM vì đây là công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan****2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng)**

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	1.080.000.000	910.000.000
- Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	720.000.000	240.000.000
- Bùi Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	-	180.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.800.000.000</b>	<b>1.330.000.000</b>

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	600.000.000	120.000.000
- Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	210.000.000	60.000.000
- Trần Văn Mỹ	Thành viên	210.000.000	60.000.000
- Hoàng Đức Hùng	Thành viên	30.000.000	60.000.000
- Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	137.692.308	60.000.000
- Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	180.000.000	
- Vũ Thị Mai	Thành viên	72.307.692	
<b>Cộng</b>		<b>1.440.000.000</b>	<b>360.000.000</b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty cổ phần ô tô An Thái	Công ty con của Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	Công ty con

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Riêng)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Giao dịch với bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh</b>		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	1.339.675.310	1.969.446.064
- Doanh thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.628.181.818
- Chi phí mua xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe, thuê kho và khác	10.304.436.916	24.077.622.657
- Chia cổ tức	16.517.960.000	
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô Cần Thơ</b>		
- Doanh thu bán xe	22.679.999.991	2.188.731.637
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	140.228.586	644.490.377
- Chi phí mua xe	39.922.727.263	18.545.454.535
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	759.075.746	52.534.000
<b>Công ty cổ phần xe khách và Dịch vụ Miền Tây</b>		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	228.857.957	447.097.243
- Doanh thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		395.454.545
- Chi phí mua xe		423.636.364
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	639.206.041	717.430.480
<b>Công ty cổ phần Ô tô An Thái</b>		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	33.600.010	
<b>Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt</b>		
- Doanh thu bán xe	5.194.545.454	

**Số dư với bên liên quan**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh bên trên

**3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

**PHẠM THỊ DUYÊN**

Kế toán trưởng

**LÊ THỊ HUYỀN**

Tổng Giám đốc

**TRẦN VĂN MỸ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, Phường Định Công, TP Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Ngày 31/12/2024	69.240.660.669	1.047.558.440	86.516.992.511	909.818.454	580.330.887	158.295.360.961
Tăng trong kỳ	49.510.517.833	3.694.167.846	24.776.968.680	969.853.500	340.693.889	79.292.201.748
- Mua trong kỳ	43.709.456.546	3.694.167.846	24.776.968.680	969.853.500	340.693.889	73.491.140.461
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.396.230.400	-	-	-	-	5.396.230.400
- Tăng do phân loại	404.830.887	-	-	-	-	404.830.887
<b>Giảm trong kỳ</b>	(24.625.748.669)	(2.322.000.000)	(51.913.963.163)	(583.221.500)	(404.830.887)	(79.849.764.219)
- Thanh lý, nhượng bán	(24.207.837.995)	(2.200.000.000)	(51.913.963.163)	(583.221.500)	-	(78.905.022.658)
- Giảm do phân loại	(417.910.674)	(122.000.000)	-	-	(404.830.887)	(944.741.561)
Ngày 31/12/2025	94.125.429.833	2.419.726.286	59.379.998.028	1.296.450.454	516.193.889	157.737.798.490
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Ngày 31/12/2024	21.050.978.278	660.436.165	14.024.060.213	342.604.879	36.266.479	36.114.346.014
Tăng trong kỳ	13.603.749.726	371.068.711	8.941.452.025	282.062.499	112.838.679	23.311.171.640
- Khấu hao trong kỳ	13.603.749.726	371.068.711	8.936.893.242	282.062.499	112.838.679	23.306.612.857
- Tăng do phân loại	-	-	4.558.783	-	-	4.558.783
<b>Giảm trong kỳ</b>	(1.294.524.524)	(1.639.785)	(10.175.955.537)	(50.221.850)	-	(11.522.341.696)
- Thanh lý, nhượng kỳ	(1.262.105.029)	-	(10.175.955.537)	(50.221.850)	-	(11.488.282.416)
- Giảm do phân loại	(32.419.495)	(1.639.785)	-	-	-	(34.059.280)
Ngày 31/12/2025	33.360.203.480	1.029.865.091	12.789.556.701	574.445.528	149.105.158	47.903.175.958
<b>Giá trị còn lại</b>						
Ngày 31/12/2024	48.189.682.391	387.122.275	72.492.932.298	567.213.575	546.064.408	122.181.014.947
Ngày 31/12/2025	60.765.226.353	1.389.861.195	46.590.441.327	722.004.926	367.088.731	109.834.622.532

Người lập biểu

*Phạm Thị Duyên*

PHẠM THỊ DUYỄN

Kế toán trưởng

*Lê Thị Huyền*

LÊ THỊ HUYỀN



TRẦN VĂN MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Kim Giang, Phường Định Công, TP Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	18.168.587.403	60.311.509.883
2. Tăng trong kỳ trước	278.000.000.000	-	-	128.147.840.956	406.147.840.956
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	128.147.840.956	128.147.840.956
- Góp vốn	278.000.000.000	-	-	-	278.000.000.000
3. Giảm trong kỳ trước	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	466.459.350.839
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	466.459.350.839
6. Tăng trong kỳ này	-	-	-	35.699.316.521	35.699.316.521
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	35.699.316.521	35.699.316.521
7. Giảm trong kỳ này	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
8. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	150.015.744.880	470.158.667.360

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYỀN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN



TRẦN VĂN MỸ



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, P. Định Công, TP. Hà Nội



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 4 NĂM 2025**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 28 tháng 01 năm 2026



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Trần Văn Mỹ*

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	05 – 23

10/10/2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		425.829.919.636	434.679.566.513
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	23.237.358.760	157.425.399.323
111	1. Tiền		23.237.358.760	47.425.399.323
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	110.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.2	2.500.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.500.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		83.016.287.478	134.030.118.149
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	63.192.533.007	12.330.527.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	5.802.659.692	74.838.664.364
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	14.354.747.259	47.194.578.773
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(333.652.480)	(333.652.480)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	297.794.384.790	128.140.234.135
141	1. Hàng tồn kho		299.200.044.697	129.545.894.042
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		19.281.888.608	15.083.814.906
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	4.106.149.540	7.377.506.108
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.14	15.173.965.307	7.706.308.798
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	1.773.761	
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		243.073.796.933	141.170.692.669
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		2.531.000.000	2.302.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.531.000.000	2.302.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		137.088.960.239	122.195.754.947
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	110.628.757.439	122.181.014.947
222	- Nguyên giá		159.555.980.308	158.295.360.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.927.222.869)	(36.114.346.014)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	26.460.202.800	14.740.000
228	- Nguyên giá		26.548.362.800	88.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.160.000)	(73.420.000)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		30.410.766.400	609.329.476
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		30.410.766.400	609.329.476
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		73.043.070.294	16.063.608.246
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	14.676.741.087	16.063.608.246
269	3. Lợi thế thương mại	V.11	58.366.329.207	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		668.903.716.569	575.850.259.182

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		198.479.846.257	109.390.908.343
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		198.479.846.257	109.390.908.343
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	31.066.393.583	21.656.298.959
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	6.771.918.591	17.398.116.809
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	10.687.042.059	33.196.578.117
314	4. Phải trả người lao động		5.846.607.924	8.222.966.072
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.006.810.116	558.901.224
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	921.364.638	2.357.749.402
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	142.179.709.346	26.000.297.760
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		470.423.870.312	466.459.350.839
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.17	470.423.870.312	466.459.350.839
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		150.211.355.341	146.316.428.359
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		114.319.709.537	18.168.587.403
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		35.891.645.804	128.147.840.956
429	3 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		69.592.491	
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		668.903.716.569	575.850.259.182

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN



Tp. Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TRẦN VĂN MỸ



## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Tp Hà Nội

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
				Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	5	6
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	315.858.986.630	542.883.050.871	1.304.025.137.336	1.414.571.804.514
02	2.	Cáo khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.2	315.858.986.630	542.883.050.871	1.304.025.137.336	1.414.571.804.514
11	4.	Giá vốn hàng bán		291.555.861.525	455.604.050.686	1.137.289.589.977	1.160.105.606.747
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.303.125.105	87.279.000.185	166.735.547.359	254.466.197.767
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính		8.471.283	198.611.531	588.857.586	232.183.926
22	7.	Chi phí tài chính	VI.3	2.361.391.747	1.561.866.869	8.708.670.709	4.946.880.616
23		- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.361.391.747	1.561.866.869	8.708.670.709	4.946.880.616
25	9.	Chi phí bán hàng	VI.4	21.151.352.624	36.905.593.623	94.184.038.637	80.561.526.115
26	10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	16.595.315.437	16.055.285.733	65.811.916.818	36.681.062.427
30	11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.796.463.420)	32.954.865.491	(1.400.221.219)	132.508.912.535
31	12.	Thu nhập khác		18.834.173.872	11.387.001.109	47.130.017.320	27.932.908.427
32	13.	Chi phí khác		335.110.485	(569.883.634)	437.493.690	62.854.953
40	14.	Lợi nhuận khác		18.499.063.387	11.956.884.743	46.692.523.630	27.870.053.474
50	15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.782.599.967	44.911.750.234	45.292.302.411	160.378.966.009
51	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	588.322.028	9.067.177.157	9.393.305.507	32.231.125.053
52	17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.114.277.939	35.844.573.077	35.898.996.904	128.147.840.956
61	19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		2.110.208.017	35.844.573.077	35.894.926.982	128.147.840.956
62	20.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		4.069.922	-	4.069.922	-
70	21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	66	1.272	1.122	9.274
71	22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	66	1.272	1.122	9.274

Người lập biểu

Kế toán trưởng

PHAM THI DUYEN

LÊ THỊ HUỲỀN

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết trình báo cáo tại Triển lãm Thép nhân)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Tp Hà Nội

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	45.292.302.411	160.378.966.009
2.	Điều chỉnh cho các khoản		27.485.139.580	16.493.571.140
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	23.738.221.411	12.836.853.385
	- Các khoản dự phòng	03	-	(51.822.135)
	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.961.752.540)	(1.238.340.726)
	- Chi phí lãi vay	06	8.708.670.709	4.946.880.616
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	72.777.441.991	176.872.537.149
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	42.904.592.453	(85.883.962.767)
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(169.588.628.086)	(69.553.703.544)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.234.713.102)	(27.873.102.580)
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(53.963.285.494)	(18.131.109.471)
	- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.708.670.709)	(4.946.880.616)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.270.189.772)	(2.386.458.270)
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(152.083.452.719)	(31.902.680.099)
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(136.456.782.226)	(100.880.718.588)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	72.065.045.452	26.348.709.091
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.500.000.000)	-
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	568.627.344	232.183.926
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.323.109.430)	(74.299.825.571)
<b>III.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	278.000.000.000
2.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	755.696.061.266	803.881.224.552
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(639.516.649.680)	(826.062.792.392)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.960.890.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	84.218.521.586	255.818.432.160
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(134.188.040.563)	149.615.926.490
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	157.425.399.323	7.809.472.833
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.237.358.760	157.425.399.323

Người lập biểu

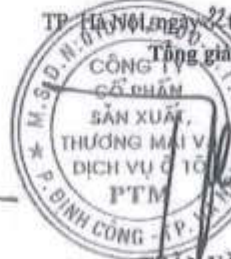
Kế toán trưởng

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025

Tổng giám đốc









PHẠM THỊ DUYÊN

LÊ THỊ HUYỀN



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và 01 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghỉ trang, nghỉ địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ

#### **4. Chu kỳ năm sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng

#### **5. Các công ty con được hợp nhất**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Tổng số công ty con: 01 công ty

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025
01	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	Số nhà 97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	0%	99,33%	0%	99,33%	0%	99,33%

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán tập đoàn có 474 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 585 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (Hợp nhất)**

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất)



Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## **3. Các khoản đầu tư tài chính**

### **Các khoản đầu tư vào công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữ vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập báo cáo tài chính (hợp nhất) thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: toàn bộ là chi phí của việc sửa chữa xe chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10



## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

## **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **10. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu bán xe ô tô***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Tiền lãi***



Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

**13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

**14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế thu nhập DN hiện hành.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi

**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
- Tiền mặt	2.293.233.057	6.863.847.488
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.944.125.703	40.561.551.835
- Các khoản tương đương tiền		110.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.237.358.760</b>	<b>157.425.399.323</b>

### 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	63.192.533.007	12.330.527.492
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tương Lai Việt	27.723.976.345	-
Khách hàng khác	35.468.556.662	12.330.527.492
<b>Cộng</b>	<b>63.192.533.007</b>	<b>12.330.527.492</b>

### 4. Trả trước cho người bán

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.802.659.692	74.838.664.364
Công ty Cổ phần Xây lắp điện công trình Thăng Long	5.001.000.001	26.456.345.601
Đối tượng khác	801.659.691	48.382.318.763
<b>Cộng</b>	<b>5.802.659.692</b>	<b>74.838.664.364</b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền thưởng theo chính sách bán hàng của Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam.

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	2.531.000.000	2.302.000.000
- Công ty CP đầu tư và phát triển TDP	1.040.000.000	1.040.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.491.000.000	1.262.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.531.000.000</b>	<b>2.302.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Ngày 31/12/2025			Ngày 31/12/2024		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi <sup>(*)</sup>	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi <sup>(*)</sup>
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		333.652.480	-		333.652.480	-
- Công ty XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	-	Trên 3 năm	68.800.000	-
- Hợp doanh DMC – FER	Trên 3 năm	53.650.000	-	Trên 3 năm	53.650.000	-
- Công ty CP SX và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	-	Trên 3 năm	41.987.000	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	169.215.480	-	Trên 3 năm	169.215.480	-
<b>Cộng</b>		333.652.480	-		333.652.480	-

<sup>(\*)</sup> Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.**7. Hàng tồn kho**

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	21.592.500			
- Nguyên liệu, vật liệu	7.708.684.750	(1.405.659.907)	3.688.991.886	(1.405.659.907)
- Công cụ, dụng cụ	311.102.397	-	343.994.681	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.421.888.056	-	520.067.148	-
- Hàng hóa	289.736.776.994	-	124.992.840.327	-
<b>Cộng</b>	299.200.044.697	(1.405.659.907)	129.545.894.042	(1.405.659.907)

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	881.800.786	2.004.920.456
- Phí bảo hiểm cháy nổ	159.629.165	135.434.040
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.064.719.589	5.237.151.612
<b>Cộng</b>	4.106.149.540	7.377.506.108

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
- Chi phí sửa chữa văn phòng	6.244.642.952	6.966.522.938
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	6.435.486.533	4.399.131.224
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.996.611.602	4.697.954.084
<b>Cộng</b>	14.676.741.087	16.063.608.246

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết xem Phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Ngày 31/12/2024	-	88.160.000	88.160.000
Tăng trong kỳ	26.460.202.800	-	26.460.202.800
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2025	26.460.202.800	88.160.000	26.548.362.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31/12/2024	-	73.420.000	73.420.000
Tăng trong kỳ	-	14.740.000	14.740.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2025	-	88.160.000	88.160.000
Giá trị còn lại			
Ngày 31/12/2024	-	14.740.000	14.740.000
Ngày 31/12/2025	26.460.202.800	-	26.460.202.800

**11. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Ngày 31/12/2024	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 31/12/2025
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	-	58.777.137.155	(410.807.948)	58.366.329.207
Cộng		58.777.137.155	(410.807.948)	58.366.329.207

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Phải trả các bên liên quan	25.779.000.000	-
Công ty cổ phần Cơ khí ô tô Cần Thơ	25.779.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.287.393.583	21.656.298.959
Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam	2.364.003.762	15.211.720.004
Khách hàng khác	2.923.389.821	6.444.578.955
Cộng	31.066.393.583	21.656.298.959

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là tiền khách hàng trả tiền trước để mua xe.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

**14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT phải nộp	916.800.602	-	641.338.247	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.283.736.047	1.773.761	32.160.620.312	-
- Thuế thu nhập cá nhân	486.505.410	-	394.619.558	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
- Thuế môn bài, thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.687.042.059</b>	<b>1.773.761</b>	<b>33.196.578.117</b>	<b>-</b>

**14a. Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**14b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Doanh nghiệp phải nộp thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>45.292.302.411</b>	<b>160.378.966.009</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Phân bổ LTTM trong kỳ	410.807.948	-
- Điều chỉnh lãi lỗ từ điều chỉnh BTHN	-	-
- Chi phí không được trừ	1.326.058.205	424.135.551
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>47.029.168.564</b>	<b>160.803.101.560</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ của các năm trước chuyển sang	(610.488.331)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>46.418.680.233</b>	<b>161.099.156.117</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>9.283.736.047</b>	<b>32.160.620.312</b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	109.569.460	70.504.741
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>9.393.305.507</b>	<b>32.231.125.053</b>

**14c. Các loại thuế khác**

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	142.179.709.346	142.179.709.346	26.000.297.760	26.000.297.760
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn	59.643.273.856	59.643.273.856	16.954.000.000	16.954.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương	17.191.200.000	17.191.200.000	9.046.297.760	9.046.297.760
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Tân Bình	16.287.060.480	16.287.060.480	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Long Biên	18.652.885.440	18.652.885.440	-	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	30.405.289.570	30.405.289.570	-	-
<b>Cộng</b>	<b>142.179.709.346</b>	<b>142.179.709.346</b>	<b>26.000.297.760</b>	<b>26.000.297.760</b>

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Ngày 31/12/2024	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Ngày 31/12/2025
Vay ngắn hạn Ngân hàng	26.000.297.760	755.696.061.266	(639.516.649.680)	142.179.709.346
<b>Cộng</b>	<b>26.000.297.760</b>	<b>755.696.061.266</b>	<b>(639.516.649.680)</b>	<b>142.179.709.346</b>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
<b>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>921.364.638</b>	<b>2.357.749.402</b>
Công ty TNHH Sài Gòn Boulevard Complex	420.000.000	420.000.000
- Khách hàng khác	501.364.638	1.937.749.402
<b>Cộng</b>	<b>921.364.638</b>	<b>2.357.749.402</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết phụ lục số 02

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Ngày 31/12/2025		Ngày 31/12/2024	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	165.179.600.000	51,62	165.179.600.000	51,62
- Các cổ đông khác	154.820.400.000	48,38	154.820.400.000	48,38
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	320.000.000.000	320.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu kinh doanh xe	1.245.530.732.235	1.382.787.307.007
- Doanh thu sửa chữa xe	44.289.095.113	12.251.769.540
- Doanh thu hoạt động khác	14.205.309.988	19.532.727.967
<b>Cộng</b>	<b>1.304.025.137.336</b>	<b>1.414.571.804.514</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Chủ yếu là giá vốn hoạt động kinh doanh xe và dịch vụ sửa chữa xe.

**3. Chi phí tài chính**

Toàn bộ là chi phí lãi vay.

**4. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	38.710.007.099	35.294.420.151
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.518.576.267	3.318.943.520
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	48.955.455.271	41.948.162.444
<b>Cộng</b>	<b>94.184.038.637</b>	<b>80.561.526.115</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	27.988.271.024	15.384.245.940
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.207.576.661	3.684.219.552
- Lợi thế thương mại	410.807.948	-
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	26.205.261.185	17.612.596.935
<b>Cộng</b>	<b>65.811.916.818</b>	<b>36.681.062.427</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính(hợp nhất)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.898.966.904	128.147.840.956
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(4.069.922)	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.894.926.982	128.147.840.956
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.000.000	13.817.486
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP)</b>	<b>1.122</b>	<b>9.274</b>

**7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.898.966.904	128.147.840.956
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(4.069.922)	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.894.926.982	128.147.840.956
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.000.000	13.817.486
+ Cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong kỳ		
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Đồng/CP)</b>	<b>1.122</b>	<b>9.274</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (Hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan****2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng)**

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	1.080.000.000	910.000.000
- Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	720.000.000	240.000.000
- Bùi Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	-	180.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.800.000.000</b>	<b>1.330.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	600.000.000	120.000.000
- Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	210.000.000	60.000.000
- Trần Văn Mỹ	Thành viên	210.000.000	60.000.000
- Hoàng Đức Hùng	Thành viên	30.000.000	60.000.000
- Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	137.692.308	60.000.000
- Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	180.000.000	
- Vũ Thị Mai	Thành viên	72.307.692	
<b>Cộng</b>		<b>1.440.000.000</b>	<b>360.000.000</b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty cổ phần ô tô An Thái	Công ty con của Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây

**Giao dịch với bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh</b>		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	1.339.675.310	1.969.446.064
- Doanh thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.628.181.818
- Chi phí mua xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe, thuê kho và khác	10.304.436.916	24.077.622.657
- Chia cổ tức	16.517.960.000	-
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô Cần Thơ</b>		
- Doanh thu bán xe	22.679.999.991	2.188.731.637
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	140.228.586	644.490.377
- Chi phí mua xe	39.922.727.263	18.545.454.535
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	759.075.746	52.534.000
<b>Công ty cổ phần xe khách và Dịch vụ Miền Tây</b>		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	228.857.957	447.097.243
- Doanh thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	395.454.545
- Chi phí mua xe	-	423.636.364
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	639.206.041	717.430.480
<b>Công ty cổ phần Ô tô An Thái</b>		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	33.600.010	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính(hợp nhất)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, P. Định Công, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh bên trên, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**Số dư với bên liên quan**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh bên trên

**3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUYỀN



Tổng Giám đốc

TRẦN VĂN MỸ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Địa chỉ: 256 Kim Giang, Phường Định Công, TP Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính (Hợp nhất)(tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

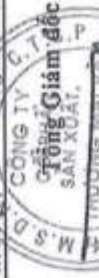
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Ngày 31/12/2024	69.240.660.669	1.047.558.440	86.516.992.511	909.818.454	580.330.887	158.295.360.961
Tăng trong kỳ	51.328.699.651	3.694.167.846	24.776.968.680	969.853.500	340.693.889	81.110.383.566
- Mua trong kỳ	43.709.456.546	3.694.167.846	24.776.968.680	969.853.500	340.693.889	73.491.140.461
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.396.230.400	-	-	-	-	5.396.230.400
- Tăng do hợp nhất	1.818.181.818	-	-	-	-	1.818.181.818
- Tăng do phân loại tài sản	404.830.887	-	-	-	-	404.830.887
Giảm trong kỳ	(24.625.748.669)	(2.322.000.000)	(51.913.963.163)	(583.221.500)	(404.830.887)	(79.849.764.219)
- Thanh lý, nhượng bán	(24.207.837.995)	(2.200.000.000)	(51.913.963.163)	(583.221.500)	-	(78.905.022.658)
- Giảm do phân loại tài sản	(417.910.674)	(122.000.000)	-	-	(404.830.887)	(944.741.561)
Ngày 31/12/2025	95.943.611.651	2.419.726.286	59.379.998.028	1.296.450.454	516.193.889	159.555.980.308
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Ngày 31/12/2024	21.050.978.278	660.436.165	14.024.060.213	342.604.879	36.266.479	36.114.346.014
Tăng trong kỳ	14.627.796.637	371.068.711	8.941.452.025	282.062.499	112.838.679	24.335.218.551
- Khấu hao trong kỳ	13.609.810.332	371.068.711	8.936.893.242	282.062.499	112.838.679	23.312.673.463
- Tăng do hợp nhất	1.017.986.305	-	-	-	-	1.017.986.305
- Tăng do phân loại tài sản	-	-	4.558.783	-	-	4.558.783
Giảm trong kỳ	(1.294.524.524)	(1.639.785)	(10.175.955.537)	(50.221.850)	-	(11.522.341.696)
- Thanh lý, nhượng kỳ	(1.262.105.029)	-	(10.175.955.537)	(50.221.850)	-	(11.488.282.416)
- Giảm do phân loại tài sản	(32.419.495)	(1.639.785)	-	-	-	(34.059.280)
Ngày 31/12/2025	34.384.250.391	1.029.865.091	12.789.556.701	574.445.528	149.105.158	48.927.222.869
<b>Giá trị còn lại</b>						
Ngày 31/12/2024	48.189.682.391	387.122.275	72.492.932.298	567.213.575	544.064.408	122.181.014.947
Ngày 31/12/2025	61.559.361.260	1.389.861.195	46.590.441.327	722.004.926	367.088.731	110.628.757.439

Người lập biểu

**PHẠM THỊ DUYỀN**

Kế toán trưởng

**LÊ THỊ HUYỀN**



**TRẦN VĂN MỸ**



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ó TỎ PTM

Địa chỉ: 236 Đường Kim Giang, Phường Định Công, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	4	3	4	5
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2024						
Tại ngày 01/01/2024	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	18.168.587.403	-	60.311.509.883
Tăng trong kỳ	278.000.000.000	-	-	128.147.840.956	-	406.147.840.956
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	-	466.459.350.839
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2025						
Tại ngày 01/01/2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	-	466.459.350.839
Tăng trong kỳ	-	-	-	35.894.926.982	69.592.491	35.964.519.473
Giảm trong kỳ	-	-	-	(32.000.000.000)	-	(32.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	150.211.355.341	69.592.491	470.423.870.312

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2026



TRẦN VĂN MỸ

PHẠM THỊ DUYÊN

LÊ THỊ HUYỀN

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2025

Số: 05/25/UQ/AUD.VVALUES

## GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Mã số doanh nghiệp số 0303128175 đăng ký thay đổi lần thứ 22, ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.
- Căn cứ vào quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc số 07/18/QĐ-BN-VVALUES ngày 01 tháng 12 năm 2018.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, chúng tôi gồm:

Họ tên người ủy quyền : **NGUYỄN THANH SANG**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Họ tên người được ủy quyền : **TRẦN VĂN HIỆP**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

### Nội dung ủy quyền:

Tổng Giám đốc ủy quyền cho Ông Trần Văn Hiệp là Phó Tổng Giám đốc:

- Ký thay các Báo cáo kiểm toán, các Hợp đồng kinh tế, Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng ký kết với khách hàng trong thời gian Tổng Giám đốc đi công tác; và các Báo cáo kiểm toán được phân công phụ trách.
- Ký thay các Báo cáo kiểm toán được phân công phụ trách và được phát hành bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

**Hiệu lực:** Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tổng Giám đốc chịu mọi trách nhiệm pháp lý phát sinh liên quan đến việc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc.

Người ủy quyền

Tổng Giám đốc

Ngày: 29-01-2026

03871-01

Người được ủy quyền

Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH SANG



TRẦN VĂN HIỆP

CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Đức Tuấn